

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ
THUẬT SỐ FPT

FPT DIGITAL JOINT STOCK
COMPANY

Số/No: 26.2019/FRT-FAF

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

TP.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2019
TP.HCM, April 12th, 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Security
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock
Exchange*



- Tên tổ chức/*Organization name*: Công ty cổ phần Bán lẻ kỹ thuật số FPT/ *FPT Digital Retail Joint Stock Company*
- Mã chứng khoán/*Security symbol*: FRT/FRT
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 261 – 263 Khánh Hội, phường 05, quận 04, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *261-263 Khanh Hoi Street, Ward 05, District 04, HCMC, Viet Nam*
- Điện thoại/ *Telephone*: 028 7302 3456
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Vũ Thanh Huyền/ *Mrs Vu Thanh Huyen*
- Chức vụ/*Position*: Giám đốc tài chính/ *CFO*

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Báo cáo thường niên FRT năm 2018/ *FRT's Annual Report for the year 2018*.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/ 04/2019 tại
đường dẫn: <http://fvt.vn>

*This information was disclosed on Company's Portal on April 12nd, 2019 available at <http://fpt.vn>
Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./*
*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally
responsible for any misrepresentation./*

Đại diện tổ chức
Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Party authorized to disclose information

-Tài liệu đính kèm/Attachment:
Báo cáo thường niên 2018/ *Annual
Report for the year 2018*

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu/ *Achieved by:* VT, FAF/ *Admin,*
FAF



Vũ Thanh Huyền





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Mục lục

GIỚI THIỆU CHUNG

- Thông điệp của chủ tịch HĐQT 3
- Một số chỉ tiêu cơ bản 4
- Tầm nhìn 4
- Sứ mệnh 4
- Giá trị cốt lõi 4

THÔNG TIN CHUNG

- Giới thiệu công ty 5 - 7
- Lịch sử hình thành và các cột mốc 8
- Cơ cấu tổ chức 9
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý 10
- Công ty con - Công ty cổ phần dược phẩm FPT Long Châu 10
- Giới thiệu ban lãnh đạo 11 - 15
- Thông tin vốn cổ phần và cổ đông 16

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- Tổng quan tình hình hoạt động KD 17 - 19
- Đánh giá KQKD của BGD 20
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động công ty và Ban GD 21
- Tổ chức và nhân sự 22 - 29
- Trách nhiệm với cộng đồng và môi trường 25 - 29

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Mô hình quản trị công ty 30
- Thông tin và hoạt động của HĐQT 31 - 32
- Quan hệ nhà đầu tư 33 - 36

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

37 - 95

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể nhân viên Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT.

Năm 2018 là năm kinh tế - xã hội nước ta đạt nhiều kết quả quan trọng. Nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao với tăng trưởng GDP đạt mức 7,08% cao nhất trong 11 năm qua. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Khu vực dịch vụ ghi nhận tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Các ngành dịch vụ thị trường duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, cùng với sức mua tiêu dùng tăng cao; môi trường kinh doanh ngày càng cải thiện. Trong đó, bán buôn và bán lẻ tăng 8,51% so với cùng kỳ năm trước, là ngành có tốc độ tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ, cũng là ngành có đóng góp lớn nhất vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế.

Kính thưa Quý vị,

Năm 2018 là năm nhiều thách thức đối với các công ty bán lẻ hàng công nghệ khi thị trường này có dấu hiệu bão hòa. Ban lãnh đạo và toàn bộ nhân viên của FPT Retail đã nỗ lực làm việc không ngừng nghỉ để vượt qua thách thức và đạt được những thành tựu nhất định. Doanh thu lũy kế đạt 15.298 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 348 tỷ đồng, tương đương tăng trưởng 16% và 20% so với năm 2017. Số lượng cửa hàng đạt 533 shop. Theo bảng xếp hạng Bảng xếp hạng VNR500 do Vietnam Report kết hợp cùng Báo VietnamNet chính thức tổ chức, vượt qua các tiêu chí về hiệu quả sử dụng vốn tốt, tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận ổn định và thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, cộng đồng, FPT Retail đã xếp thứ 38 trên 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam, đứng thứ 88 trên 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. FPT Retail cũng vinh dự đón nhận cú đúp giải thưởng Top 10 Nhà bán lẻ uy tín 2018 cùng Top 10 Sản phẩm, Dịch vụ Tin và Dùng 2018 lần lượt do Vietnam Report và Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.

Trên lộ trình mở rộng lĩnh vực kinh doanh, tháng 9 vừa qua FPT Retail đã hoàn thành góp vốn thành lập công ty CP Dược Phẩm FPT Long Châu (FPT Pharma) và đang đẩy nhanh tốc độ phát triển hệ thống này. FPT Pharma định hướng là doanh nghiệp chuyên bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh khắp các tỉnh thành phố.

Trải qua 7 năm hoạt động, bước sang năm thứ hai là công ty đại chúng, cùng với sự đồng lòng và tận tâm của đội ngũ gần 6000 nhân viên, FPT Retail mang đầy hy vọng về một năm 2019 phát triển mạnh mẽ, chinh phục mọi thách thức, đem đến cho các nhà đầu tư lợi ích và giá trị doanh nghiệp gia tăng không ngừng. Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của các Quý vị cổ đông, cảm ơn niềm tin của Quý đối tác và Quý khách hàng, cũng như lời cảm ơn đến toàn bộ đội ngũ nhân viên FPT Retail đang và sẽ cùng tôi xây dựng một tương lai Công ty rực rỡ hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Bạch Diệp



Tầm nhìn

Cùng với sự phát triển của xã hội và thị trường bán lẻ, Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT đã, đang và sẽ nỗ lực không ngừng để trở thành đối tác uy tín của các nhà sản xuất thiết bị Viễn thông và Dược phẩm hàng đầu thế giới, đồng thời là điểm đến tin cậy của khách hàng Việt Nam.

Sứ mệnh

Với mục tiêu mở rộng độ phủ cửa hàng trên toàn quốc, Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT hướng tới trở thành Hệ thống bán lẻ các sản phẩm Viễn thông Kỹ thuật số và

Dược phẩm hàng đầu Việt Nam. Cùng với quy mô ngày càng lớn, FPT Retail sẽ cung cấp tới mọi tầng lớp khách hàng những trải nghiệm mua sắm tích cực, thông qua các sản phẩm Công nghệ, Dược phẩm, Thực phẩm chức năng chính hãng chất lượng cao, giá cả cạnh tranh đi kèm dịch vụ chăm sóc khách hàng thân thiện, được đảm bảo bởi uy tín của doanh nghiệp.

Giá trị cốt lõi

Chất lượng: Luôn đi đầu trong việc gây dựng uy tín, trách nhiệm để đảm bảo chất lượng sản phẩm, FPT Retail đem đến

cho khách hàng sự an tâm tuyệt đối khi mua sắm các sản phẩm công nghệ và sản phẩm chăm sóc sức khỏe.

Tin cậy: Chữ "tín" chính là điều mà FPT Retail luôn chú trọng trong hoạt động phát triển thương hiệu, là điểm tựa niềm tin vững chắc cho khách hàng, là đối tác tin cậy với các hãng công nghệ, dược phẩm.

Thân thiện: Hình ảnh FPT Retail thân thiện với khách hàng và tích cực trong các hoạt động cộng đồng chính là hướng đi lâu dài.

Chăm sóc: Với mục tiêu phục vụ khách hàng là ưu tiên số một, luôn tận tâm phục vụ khách hàng, FPT Retail đang ngày càng hoàn thiện và nâng cao hơn chất lượng dịch vụ, đào tạo đội ngũ nhân viên nhiệt tình, trung thực, chân thành và giàu chuyên môn, làm hài lòng bất cứ khách hàng nào đến mua sắm.


CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT


Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0311609355


Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng

Mã cổ phiếu: FRT

Ngành nghề kinh doanh chính: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, dược phẩm, dụng cụ y khoa,... trong các cửa hàng chuyên doanh.

 **Địa chỉ:** 261-263 Khánh Hội, Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

 **Số điện thoại:** (+84-28) 7302 3456

 **Website:** <http://fpt.vn> | <https://fptshop.com.vn>
<https://nhathuoclongchau.com>

Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là FPT Retail) được thành lập từ năm 2012 tại Việt Nam, là một thành viên của Tập đoàn FPT, sở hữu 3 chuỗi bán lẻ là FPT Shop, F.Studio By FPT và Hệ thống nhà thuốc Long Châu với tổng số cửa hàng là 575 trên khắp 63 tỉnh thành (tính đến tháng 3/2019).

Hệ thống bán lẻ FPT Shop là chuỗi chuyên bán lẻ các sản phẩm kỹ thuật số di động bao gồm điện thoại di động, máy tính bảng, laptop, phụ kiện và dịch vụ công nghệ... FPT Shop là hệ thống bán lẻ đầu tiên ở Việt Nam được cấp chứng chỉ ISO 9001:2000 về quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, FPT Shop là chuỗi bán lẻ lớn thứ 2 trên thị trường bán lẻ hàng công nghệ.

Hệ thống Nhà thuốc Long Châu là chuỗi nhà thuốc chuyên kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y khoa, thực phẩm chức năng chính hãng thuộc Hệ thống Bán lẻ FPT Retail. Với ưu thế về giá cả cạnh tranh, chất lượng sản phẩm đạt chuẩn cùng đội ngũ dược sỹ có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản, nhà thuốc Long Châu là địa chỉ uy tín và đáng tin cậy cho sức khỏe của khách hàng.

Chuỗi cửa hàng F.Studio By FPT là chuỗi cửa hàng được ủy quyền chính thức của Apple tại Việt Nam ở cấp độ cao cấp nhất, chuyên kinh doanh các sản phẩm chính hãng của Apple. FPT Retail là công ty đầu tiên có chuỗi bán lẻ với đầy đủ mô hình cửa hàng của Apple bao gồm: Cấp 1 là APR (Apple Premium Reseller), cấp 2 AAR (Apple Authorised Reseller) và iCorner, mang đến cho khách hàng không gian tuyệt vời để trải nghiệm những sản phẩm công nghệ độc đáo, tinh tế của Apple cùng dịch vụ bán hàng và chất lượng chăm sóc khách hàng cao cấp và thân thiện nhất.



Trong suốt nhiều năm qua, bằng những nỗ lực không mệt mỏi, trung thành với chính sách **“tận tâm phục vụ khách hàng”**, FPT Retail quyết tâm hoạt động, xây dựng phong cách phục vụ khách hàng cho tất cả các mảng kinh doanh dù mới hay cũ, lấy đó làm nền tảng tăng trưởng bền vững, hoàn thiện hình ảnh một thương hiệu gần gũi, thân thiện và hướng tới mục tiêu phục vụ khách hàng là ưu tiên hàng đầu.

Luôn đặt khách hàng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ và hành động, FPT Retail đã xây dựng được một đội ngũ nhân viên với phong cách làm việc chuyên nghiệp, nhiệt tình và tận tâm với khách hàng. Bên cạnh đó, chúng tôi đã, đang và sẽ tiếp tục xây dựng trung tâm kinh doanh trực tuyến hiện đại nhất để khách hàng có thể tìm thấy FPT Shop dễ dàng và nhanh nhất.



“Tận tâm phục vụ khách hàng”

Luôn đặt khách hàng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ và hành động, FPT Retail đã xây dựng được một đội ngũ nhân viên với phong cách làm việc chuyên nghiệp, nhiệt tình và tận tâm với khách hàng. Bên cạnh đó, chúng tôi đã, đang và sẽ tiếp tục xây dựng trung tâm kinh doanh trực tuyến hiện đại nhất để khách hàng có thể tìm thấy FPT Shop dễ dàng và nhanh nhất.



Sự đầu tư nghiêm túc và nỗ lực không ngừng của FPT Retail đã được cộng đồng ghi nhận qua số lượt khách hàng đến tham quan mua sắm tăng mạnh và ổn định trong suốt nhiều năm qua. Sau 7 năm hoạt động, FPT Retail đã tạo dựng được niềm tin nơi Quý khách hàng khi là:

- Đứng thứ 1 về thị phần máy tính xách tay tại Việt Nam (từ năm 2015 đến nay).
- Đứng thứ 2 về thị phần điện thoại và là nhà bán lẻ Apple chính hãng hàng đầu tại Việt Nam với đầy đủ các chuẩn cửa hàng từ cấp độ cao nhất APR.
- Được vinh danh Thương hiệu mạnh Việt Nam liên tiếp trong 6 năm 2013 đến 2018 (Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức)
- Nhà bán lẻ được yêu thích nhất 2016, Top 10 sản phẩm – dịch vụ Tin và Dùng năm 2018 do Thời báo Kinh tế VN bình chọn
- Top 10 Nhà bán lẻ uy tín liên tiếp trong 2 năm 2017, 2018
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2018 do Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá VN (Vietnam Report) và báo điện tử Vietnamnet tiến hành khảo sát
- Tính đến tháng 7/2018, FPT Retail lọt vào Top 5 nhà bán lẻ hàng đầu ở Việt Nam,
- Top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương (Retail Asia).



Theo Euromonitor và Retail Asia Publishing, với doanh thu 14.523 USD/m², FPT Retail tiếp tục là nhà bán lẻ hiệu quả nhất Việt Nam.

Kết thúc năm 2018, FPT Shop đạt doanh thu 15,298 tỉ đồng, tăng 16% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 348 tỉ đồng, tăng 20% so với năm 2017. Trong đó, doanh thu bán hàng trực tuyến đạt 2,432 tỉ đồng, tăng 21% so với năm trước, chiếm 16% tổng doanh thu năm 2018.

Trong năm 2018, hệ thống FPT Shop có 533 cửa hàng, tăng thêm 60 cửa hàng so với cuối kỳ tháng 12 năm 2017. Doanh số trung bình trên cửa hàng đạt 2.4 tỷ đồng/cửa hàng/tháng, tăng nhẹ so với năm 2017.

Trong quý 3/2018, FPT Retail đã thành lập công ty con là Dược phẩm FPT Long Châu với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng, trong đó FPT Retail đóng góp 75% vốn điều lệ. Mục tiêu trong năm 2019, FPT Long Châu sẽ mở mới thêm 50 cửa hàng.



Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể nhân viên Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT.

Năm 2018 là năm kinh tế - xã hội nước ta đạt nhiều kết quả quan trọng. Nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao với tăng trưởng GDP đạt mức 7,08% cao nhất trong 11 năm qua. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Khu vực dịch vụ ghi nhận tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Các ngành dịch vụ thị trường duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, cùng với sức mua tiêu dùng tăng cao; môi trường kinh doanh ngày càng cải thiện. Trong đó, bán buôn và bán lẻ tăng 8,51% so với cùng kỳ năm trước, là ngành có tốc độ tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ, cũng là ngành có đóng góp lớn nhất vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế.

Kính thưa Quý vị,

Năm 2018 là năm nhiều thách thức đối với các công ty bán lẻ hàng công nghệ khi thị trường này có dấu hiệu bão hòa. Ban lãnh đạo và toàn bộ nhân viên của FPT Retail đã nỗ lực làm việc không ngừng nghỉ để vượt qua thách thức và đạt được những thành tựu nhất định. Doanh thu lũy kế đạt 15.298 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 348 tỷ đồng, tương đương tăng trưởng 16% và 20% so với năm 2017. Số lượng cửa hàng đạt 533 shop. Theo bảng xếp hạng Bảng xếp hạng VNR500 do Vietnam Report kết hợp cùng Báo VietnamNet chính thức tổ chức, vượt qua các tiêu chí về hiệu quả sử dụng vốn tốt, tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận ổn định và thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, cộng đồng, FPT Retail đã xếp thứ 38 trên 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam, đứng thứ 88 trên 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. FPT Retail cũng vinh dự đón nhận cú đúp giải thưởng Top 10 Nhà bán lẻ uy tín 2018 cùng Top 10 Sản phẩm, Dịch vụ Tin và Dùng 2018 lần lượt do Vietnam Report và Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.

Trên lộ trình mở rộng lĩnh vực kinh doanh, tháng 9 vừa qua FPT Retail đã hoàn thành góp vốn thành lập công ty CP Dược Phẩm FPT Long Châu (FPT Pharma) và đang đẩy nhanh tốc độ phát triển hệ thống này. FPT Pharma định hướng là doanh nghiệp chuyên bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh khắp các tỉnh thành phố.

Trải qua 7 năm hoạt động, bước sang năm thứ hai là công ty đại chúng, cùng với sự đồng lòng và tận tâm của đội ngũ gần 6000 nhân viên, FPT Retail mang đầy hy vọng về một năm 2019 phát triển mạnh mẽ, chinh phục mọi thách thức, đem đến cho các nhà đầu tư lợi ích và giá trị doanh nghiệp gia tăng không ngừng. Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của các Quý vị cổ đông, cảm ơn niềm tin của Quý đối tác và Quý khách hàng, cũng như lời cảm ơn đến toàn bộ đội ngũ nhân viên FPT Retail đang và sẽ cùng tôi xây dựng một tương lai Công ty rực rỡ hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Bạch Điệp

Năm 2012

Tháng 03/2012 CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số được thành lập, là một trong 07 công ty trực thuộc CTCP FPT.

Năm 2013

Tháng 12/2013, FPT Shop chính thức đạt mốc 100 cửa hàng.

Năm 2014

FPT Shop đạt mốc 200 cửa hàng trên khắp 63 tỉnh thành. Trở thành nhà nhập khẩu trực tiếp của iPhone chính hãng.

Năm 2015

FPT Shop đạt được mức tăng trưởng nhanh nhất so với các công ty trực thuộc cùng Công ty Cổ phần FPT với doanh thu tăng 50% so với năm 2014, lợi nhuận trước thuế tăng 338,7%.

Năm 2016

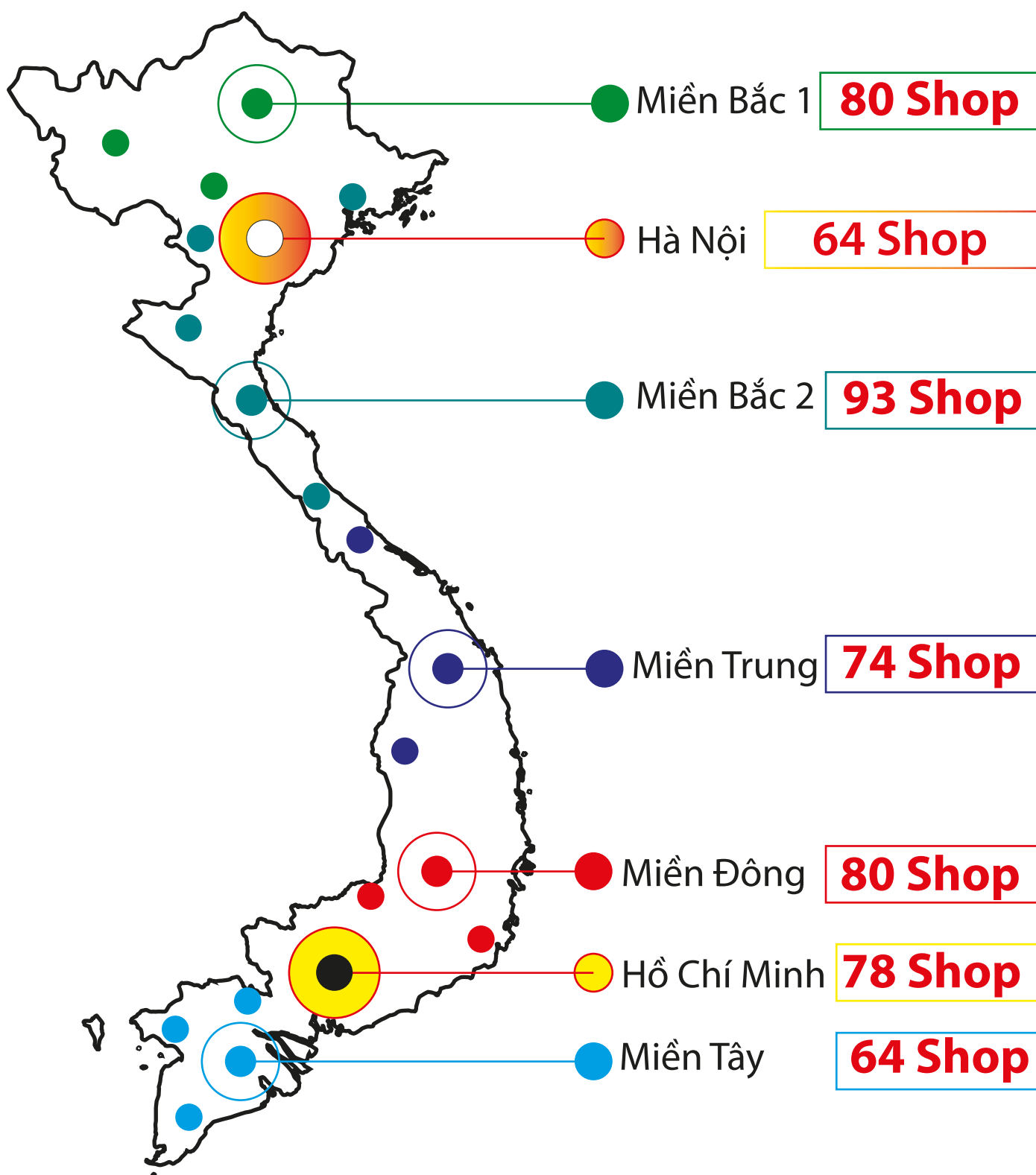
FPT Shop đạt mốc 385 cửa hàng trên khắp 63 tỉnh thành. Doanh thu online tăng gấp đôi, đạt hơn 1.000 tỷ đồng. Khai trương 80 khu trải nghiệm Apple corner trên toàn quốc.

Năm 2017

FPT Shop đạt được mức tăng trưởng nhanh nhất so với các công ty trực thuộc cùng Công ty Cổ phần FPT với doanh thu tăng 50% so với năm 2014, lợi nhuận trước thuế tăng 338,7%.

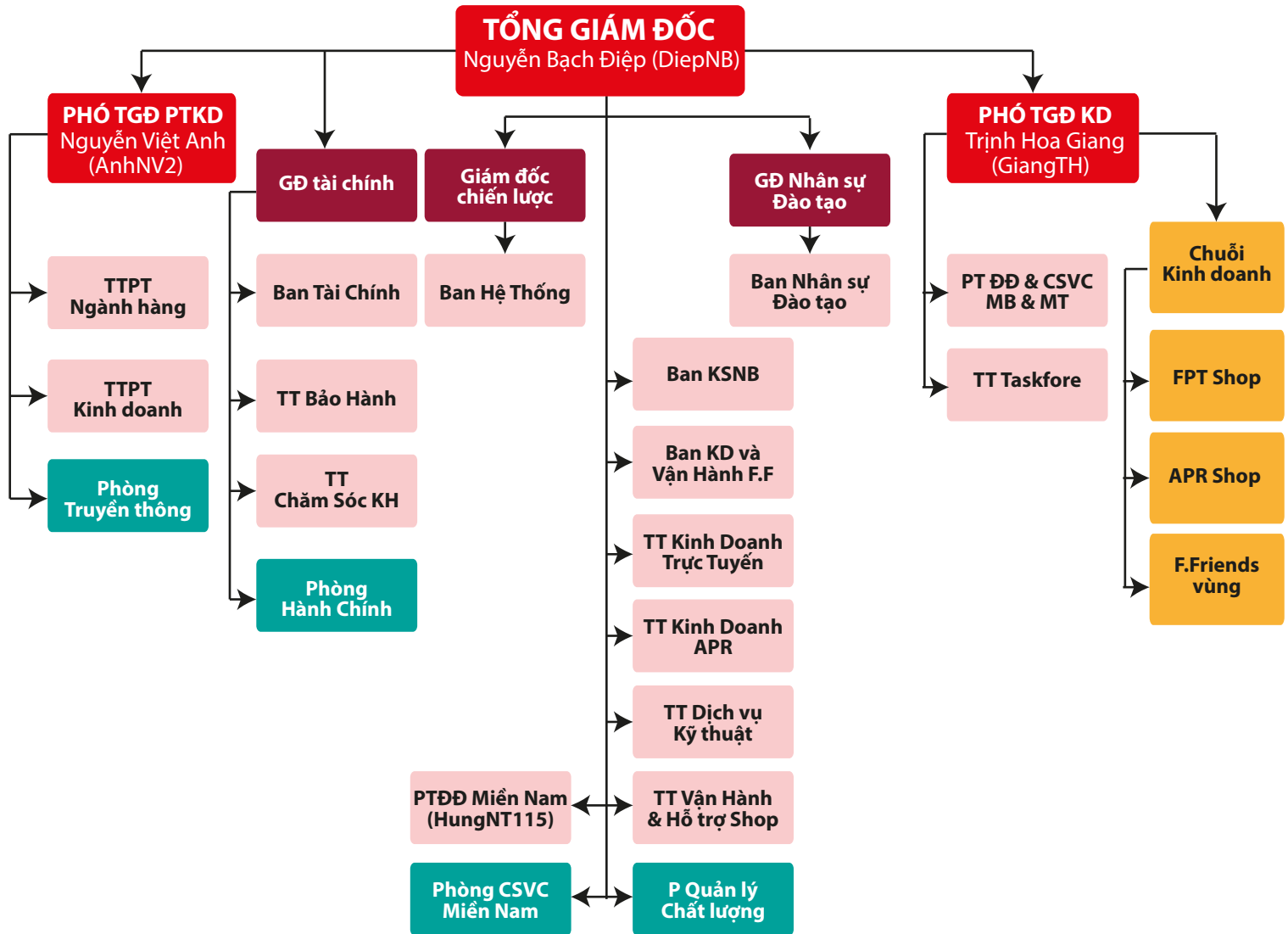
Năm 2018

Trong quý 3, FPT Retail đã thành lập công ty con là Dược phẩm FPT Long Châu với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng, trong đó FPT Retail đóng góp 75% vốn điều lệ. Trong năm, FPT Retail cũng vinh dự được nhận nhiều giải thưởng: Top 10 Nhà Bán lẻ uy tín 2018 do Vietnam Report bình chọn, được vinh danh Thương hiệu mạnh Việt Nam liên tiếp trong 6 năm từ 2013 đến 2018 do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức, Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Vietnam Report). Tính đến tháng 8/2018, FPT Retail lọt vào Top 5 nhà bán lẻ hàng đầu ở Việt Nam, Top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương (Retail Asia). Tháng 11/2018, FPT Retail đã lọt Top 10 nhà bán lẻ uy tín do Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá VN (Vietnam Report) và báo điện tử Vietnamnet tiến hành khảo sát. Với doanh số/m² vượt trội so với các đối thủ trong top 10 nhà bán lẻ lớn nhất Việt Nam, cụ thể là 14.523 USD/m², FPT Shop đã duy trì vị trí nhà bán lẻ hiệu quả nhất tính trên diện tích mặt sàn kinh doanh.



GRAND TOTAL: **533 SHOP**

CƠ CẤU TỔ CHỨC



Công ty có 1 công ty con là công ty cổ phần dược phẩm FPT Long Châu, công ty không có công ty liên kết

Công ty con Long Châu

Trong bối cảnh thị trường bán lẻ điện thoại, laptop đang tiến dần về điểm bão hòa, FPT Retail đã lựa chọn ngành bán lẻ dược phẩm là con bài tiếp theo để duy trì tăng trưởng. Vì vậy, vào quý 3 năm 2018, FPT Retail tiến hành thành lập công ty con là Dược phẩm FPT Long Châu với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng, trong đó FPT Retail đóng góp 75% vốn điều lệ. Hệ thống Nhà thuốc Long Châu là chuỗi nhà thuốc chuyên kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y khoa, thực phẩm chức năng chính hãng... Với ưu thế về giá cả cạnh tranh, chất lượng sản phẩm đạt chuẩn cùng đội ngũ dược sỹ có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản; nhà thuốc Long Châu là địa chỉ uy tín và đáng tin cậy cho sức khỏe của khách hàng. Tính đến tháng 3/2018, Hệ thống Nhà thuốc Long Châu có 26 cửa hàng với doanh thu của mỗi cửa hàng đạt khoảng 2 tỷ đồng/tháng. Mục tiêu trong năm 2019, FPT Long Châu sẽ mở mới thêm 50 cửa hàng, không chỉ tại Tp. Hồ Chí Minh mà còn ở các tỉnh thành lân cận.



Tổng Giám Đốc - Bà

NGUYỄN BẠCH ĐIỆP

Bằng tất cả tâm huyết, tài năng và sự chân thành, bà đã điều hành, dẫn dắt FPT Retail từ những ngày đầu tiên qua biết bao gian nan thử thách, đi từ thành công này đến thành công khác để có được một FRT lớn mạnh như hôm nay.

Sinh năm: 1972

Tốt nghiệp Đại học Mở TP.HCM ngành Quản trị kinh doanh.

Bà đã lần lượt nắm giữ nhiều vị trí nòng cốt của các công ty trong tập đoàn như: Giám đốc FIS 13 thuộc Công ty Hệ thống thông tin FPT, Phó Tổng Giám đốc FPT Mobile, Giám đốc FPT Telecom phía Nam, Phó Tổng Giám đốc FPT Retail. Hiện tại, bà là chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc FPT Retail. Bằng tất cả tâm huyết, tài năng và sự chân thành, bà đã điều hành, dẫn dắt FPT Retail từ những ngày đầu tiên qua biết bao gian nan thử thách, đi từ thành công này đến thành công khác để có được một FRT lớn mạnh như hôm nay.

Bà còn là người truyền lửa cho tất cả các thành viên trong công ty để liên kết tất cả thành một tập thể lớn mạnh, cùng hướng đến mục tiêu chung là sự thỏa mãn cao nhất của khách hàng. Là nữ tướng duy nhất trong làng bán lẻ công nghệ và với tất cả những cống hiến của

của mình trong suốt thời gian qua, mọi người đều nhắc đến bà bằng danh xưng “Người đàn bà thép” với tất cả sự yêu mến và nể phục.

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc FPT Retail Nguyễn Bạch Điệp đã 2 lần xuất hiện trên trang bìa của Forbes Việt Nam – Một trong những tạp chí về kinh doanh hàng đầu thế giới bởi những đóng góp của chị cho sự nghiệp bán lẻ công nghệ tại Việt Nam.

Tạp chí Forbes Việt Nam số tháng 3/2018 đã chọn “Người đàn bà thép” Nguyễn Bạch Điệp làm nhân vật trang bìa, được vinh danh là người xây dựng chuỗi bán lẻ điện thoại lớn thứ hai tại thị trường Việt Nam.

“Nữ tướng” Nguyễn Bạch Điệp tiếp tục xuất hiện trên trang bìa Forbes Việt Nam số tháng 3/2019 khi được tôn vinh Top 50 phụ nữ ảnh hưởng nhất Việt Nam năm 2019, trong

nhóm 20 người phụ nữ quyền lực nhất lĩnh vực kinh doanh.



Trong sự kiện Women’s Summit 2018 ngày 18/10/2018, bà Nguyễn Bạch Điệp - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc FPT Retail - là một trong những nữ lãnh đạo xuất hiện trên sân khấu của Forbes Việt Nam với tư cách diễn giả chính.



P. Tổng Giám Đốc - Bà

TRỊNH HÒA GIANG

Được mệnh danh là
"Nữ tướng" có tài mở đất

Sinh năm: 1971

Tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ – ĐH Quốc gia Hà Nội

Cử nhân Kinh tế tại ĐH Thương Mại

Bà Trịnh Hòa Giang tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội với hai tấm bằng danh giá: Sư phạm Tiếng Nga (Năm 1993) và Tiếng Anh (Năm 1994). Tuy nhiên, mang trong mình một đam mê và hoài bão lớn khác, bà Giang tiếp tục lấy bằng Cử nhân Kinh tế tại Đại học Thương Mại vào năm 1999 và quyết tâm bước chân xông pha vào thương trường.

Năm 2003, bà Giang là một trong số ít những người đầu tiên gia nhập và đặt nền móng cho những thành công của FRT, đặc biệt là trong thời kỳ FRT đang dần xây dựng hệ thống. Bà cũng là người có công đầu trong việc đưa FRT trở thành một công ty đứng top đầu về bán lẻ sản phẩm công nghệ như hiện nay.



Được mệnh danh là "nữ tướng" có tài mở đất, với sự nhạy bén, thông minh, am hiểu thị trường và không ngại xông pha, bà được tin nhiệm giữ nhiều chức vụ quan trọng trong quá trình công tác. Từ năm 2012 đến nay, bà chính thức được đề bạt vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT.



NGUYỄN THẾ PHƯƠNG

Ngay sau khi tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế năm 1999, **ông Nguyễn Thế Phương** đã bén duyên và chính thức gia nhập FPT vào tháng 8/2000. Trong gần 2 thập kỷ cống hiến và đóng góp, ông đã chứng tỏ năng lực và tầm nhìn vượt trội của mình, được đề bạt kiêm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong các lĩnh vực tài chính, kiểm soát kế hoạch tài chính. Hiện tại ông đang giữ chức vụ Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính Công ty Cổ phần FPT (từ năm 2009), Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT (từ năm 2010) và là Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT (từ năm 2017).

HOÀNG TRUNG KIÊN

Với tấm bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Hệ thống thông tin (MBIS) tại ĐH Tổng hợp Tự do Bruxelles (Vương quốc Bỉ), năm 2000, **ông Hoàng Trung Kiên** đã gia nhập FPT với vị trí tư vấn và kinh doanh giải pháp phần mềm khối doanh nghiệp, ngân hàng tài chính... tại Công ty Giải pháp Phần mềm FPT.

Sau gần 20 năm nỗ lực cống hiến, ông đã được giao trọng trách ở những vị trí quan trọng trong công ty, được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (từ năm 2012) và là Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT (từ năm 2018).



LÊ HỒNG VIỆT

Ông Lê Hồng Việt tốt nghiệp Kỹ sư ngành Công nghệ Phần mềm, trường Đại học Sydney (Australia) năm 2004 và chính thức gia nhập FPT năm năm 2005. Bằng nền tảng kỹ thuật vững chắc cùng kinh nghiệm khi làm việc tại nhiều quốc gia trên thế giới, ông Việt đã có nhiều đóng góp tích cực trong các hoạt động công nghệ, sản xuất kinh doanh của tập đoàn, là một trong những người đặt nền móng cho việc ứng dụng và phát triển những công nghệ mới tại FPT.

Ông đã từng bước chứng tỏ năng lực và đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng khác nhau trong lĩnh vực công nghệ. Từ 1/11/2015, được đồng nghiệp và các cấp nhân viên hết lòng ủng hộ, ông Lê Hồng Việt chính thức được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Công nghệ FPT và là Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT.





Ông NGUYỄN VIỆT ANH

Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Kinh doanh

Ông Nguyễn Việt Anh sinh năm 1977, đã tốt nghiệp Đại học Assumption Thailand chuyên ngành Quản trị kinh doanh Tài chính & Ngân hàng và lấy bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Marketing tại Đại học Quốc gia Singapore. Trước khi gia nhập FRT vào tháng 3/2016, ông Việt Anh đã từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các công ty lớn trong và ngoài nước như: Giám đốc Phân tích tài chính P&G Việt Nam, Giám đốc Tài chính ngành hàng P&G khu vực châu Á, Giám đốc Hậu cần L'Oreal tại Việt Nam, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Kinh doanh Nokia Việt Nam, Giám đốc Kinh doanh Apple Việt Nam.

Từ năm 2016 đến nay, ông nắm giữ chức Phó Tổng Giám đốc CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT. Bằng tất cả những kiến thức và kinh nghiệm đã tích lũy được từ nhiều môi trường làm việc khác nhau, ông đã có nhiều đóng góp tích cực trong chiến lược kinh doanh của công ty và góp phần giúp FRT đạt được kết quả ấn tượng trong các năm qua.

Bà VŨ THANH HUYỀN

Bà Vũ Thanh Huyền tốt nghiệp Học viện Tài chính Kế toán, chuyên ngành Kế toán thương mại từ năm 1997. Gia nhập FRT từ những ngày đầu thành lập, bà đã có những cống hiến tích cực, góp phần không nhỏ vào việc đưa công ty vươn lên vị trí hàng đầu trên thị trường bán lẻ sản phẩm công nghệ.

Với những kiến thức và kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình làm việc, bà là một trong những nhân tố quan trọng trong hàng ngũ Quản lý của cả công ty và được tin tưởng giữ nhiều chức vụ quan trọng. Từ đầu năm 2018, bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc tài chính CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT.





ÔNG NGUYỄN TIẾN HẢO

Trước khi gia nhập FPT vào năm 2012, ông Nguyễn Tiến Hào là Thạc sĩ Kế toán và đã có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực tài chính kế toán tại nhiều công ty khác nhau như: Kiểm toán viên tại Công ty Deloitte Việt Nam và Công ty TNHH Tư vấn DCPA, Phó phòng tài chính tại Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (công ty mẹ của Tập đoàn Geleximco)... Sau nhiều đóng góp to lớn của mình, ông được bổ nhiệm vị trí Chuyên viên kiểm toán nội bộ tại Công ty cổ phần FPT, phụ trách kế toán Quỹ Hy vọng và là Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT.



BÀ NGÔ MINH HUỆ

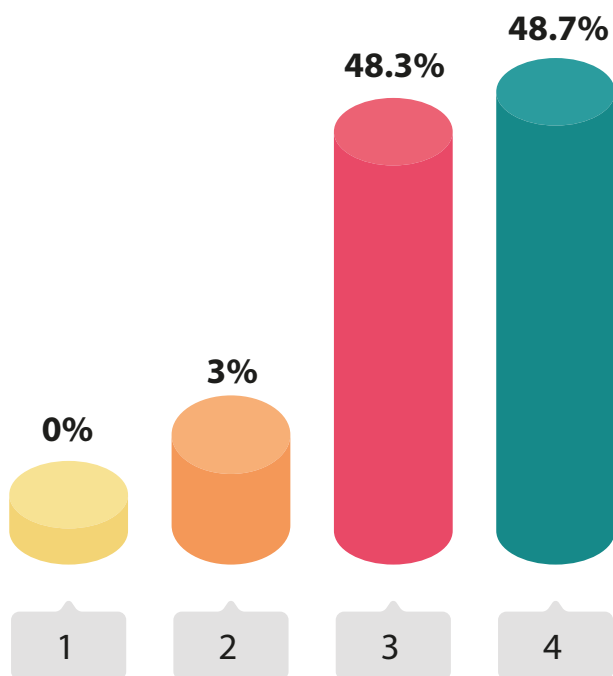
Bà Ngô Minh Huệ là Cử nhân Kế toán và có bề dày kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực này. Bà gia nhập FPT từ năm 1994 với vị trí Kế toán Công ty cổ phần FPT. Đến năm 2003, bà nắm giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT và là Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT từ năm 2018.



ÔNG BÙI HUY CƯỜNG

Sau khi lấy bằng Cử nhân Kế toán, **ông Bùi Huy Cường** làm việc tại nhiều công ty lớn và được giao nhiều vị trí trong lĩnh vực kế toán kiểm toán. Sau thời gian học hỏi, phát triển và tích lũy nhiều kinh nghiệm, năm 2010, ông gia nhập FPT. Hiện tại, ông đang đảm đương rất tốt nhiều vai trò: Kiểm soát viên nội bộ tại Công ty Cổ phần FPT, Kiểm soát viên - Công ty TNHH Bất động sản FPT, Kiểm soát viên - Công ty TNHH Phát triển khu công nghệ cao Hòa Lạc FPT và là thành viên Ban kiểm soát CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT.

PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG



- 01 Cổ đông nhà nước
- 02 Cổ đông nội bộ
- 03 Cổ đông trong nước khác
- 04 Cổ đông nước ngoài

MỘT SỐ CHỈ SỐ CƠ BẢN

Vốn chủ sở hữu công ty

1.158.767.132.623

Khối lượng cổ phiếu đã phát hành

68.000.000

Loại cổ phiếu

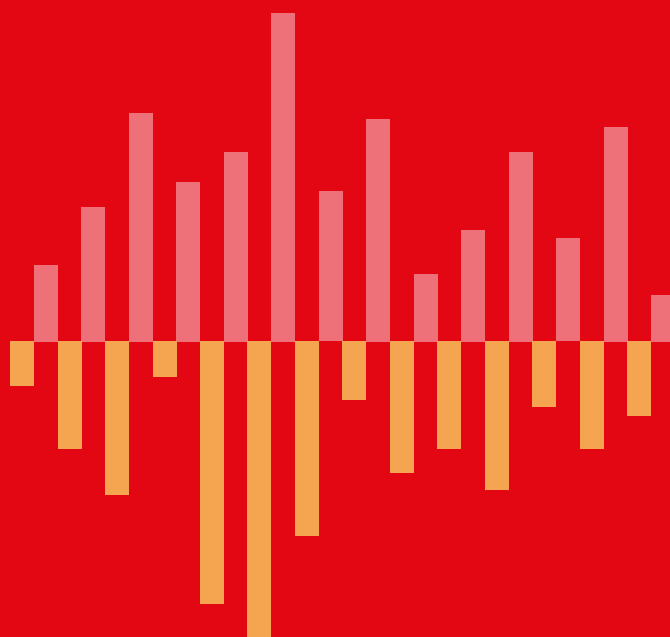
Phổ thông

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành

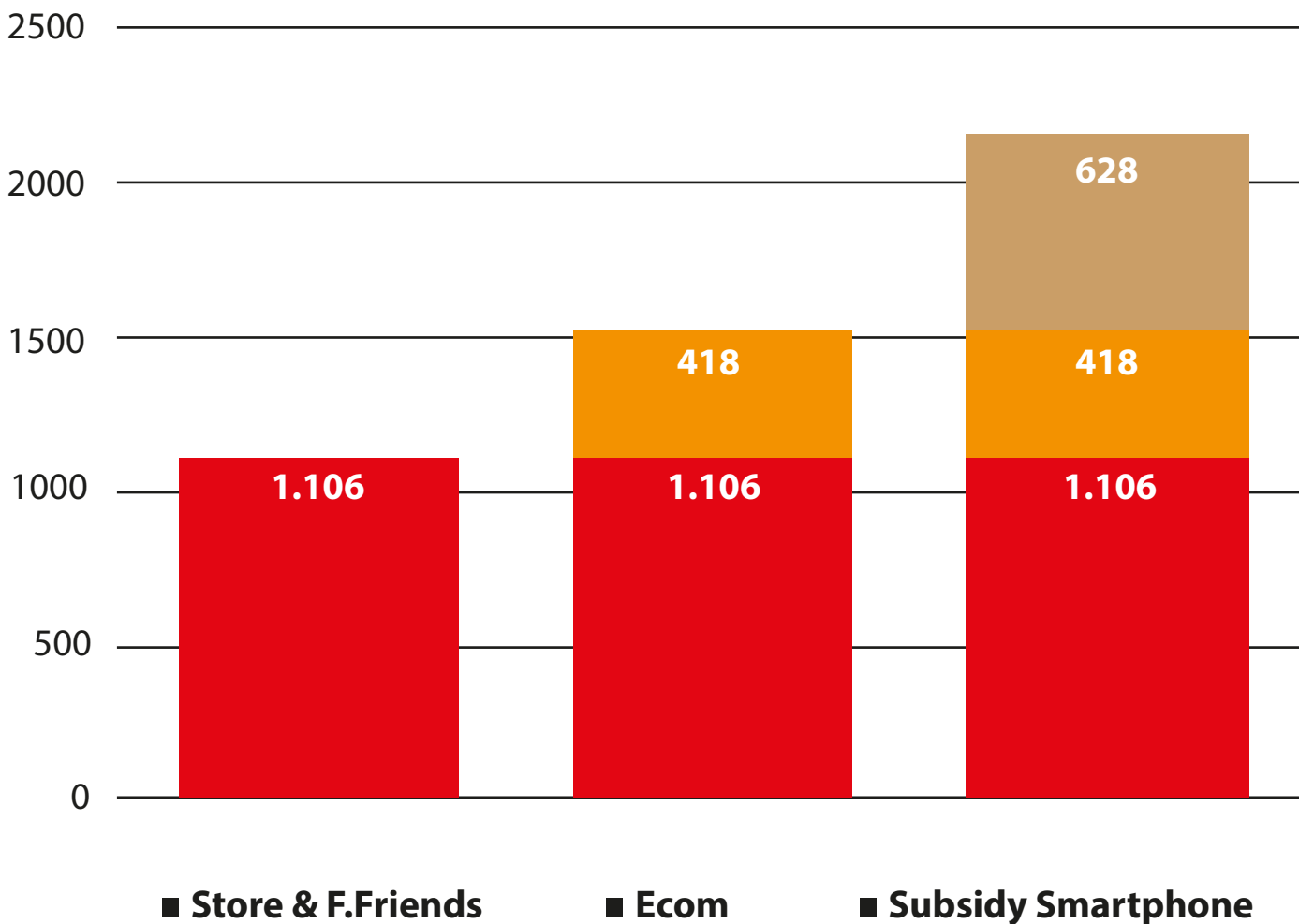
68.000.000

Mệnh giá cổ phiếu

10.000.000



Tổng kết năm 2018, FRT ghi nhận doanh thu lũy kế 12 tháng đạt 15,298 tỷ đồng, tăng trưởng 2,151 tỷ tương đương với 16% so với năm 2017. Nguồn tăng trưởng doanh thu đến từ các mảng: Bán hàng trả góp FFriends, Bán hàng tại cửa hàng, Bán hàng online (Ecom), Bán hàng trợ giá (Subsidy). Cụ thể mức đóng góp vào tăng trưởng doanh số như sau:



Trong năm 2018, doanh thu thuần từ bán lẻ Điện thoại di động và điện thoại Apple đạt 12,473 tỷ, tăng trưởng 22% so với năm 2017. Tăng trưởng này đến từ việc Apple liên tục ra sản phẩm mới như điện thoại iPhone XS, XS Max, XR trong các tháng cuối năm 2018, tương tự các nhãn hàng điện thoại khác như Samsung, Oppo cũng đóng góp lớn vào doanh số điện thoại di động của FRT. Đặc biệt trong năm 2018, sản phẩm mới ra là Xiaomi đã nhận được sự chào đón của khách hàng và đóng góp trung bình khoảng 7-8% vào tổng doanh số điện thoại di động trong năm 2018. Doanh thu từ mảng laptop và máy tính bảng giảm nhẹ- khoảng 5% so với năm 2017 do các dòng điện thoại thông minh liên tục ra mắt các sản phẩm ưu việt với đa tính năng, màn hình rộng dần dần thay thế tính năng cơ bản của máy tính bảng, dẫn đến lượng tiêu thụ bị giảm





Năm 2018, Sau khi đưa vào hoạt động trở lại 2 chương trình bán hàng trả góp F-Friends và trợ giá bán hàng Subsidy vào cuối tháng 8 năm 2018, doanh số từ 2 chương trình này trong cả năm 2018 lần lượt đóng góp 5.3% và 5% tổng doanh thu cả năm.

Năm 2018, lợi nhuận gộp của FRT đạt 2,044 tỷ tăng 13% so với năm 2017. Trong đó ngành hàng dịch vụ phụ kiện tăng trưởng 32% do FRT có chiến lược tập trung vào ngành hàng phụ kiện, hướng đến nâng cao chất lượng dịch vụ và chế độ hậu mãi cho khách hàng. Bên cạnh đó, lãi gộp ngành hàng laptop và máy tính bảng cũng tăng 22% so với cùng kỳ. Ngành hàng Apple và điện thoại di động tăng 6% lãi gộp đạt 12,473 tỷ trong năm 2018, thị trường điện thoại di động đặc biệt là sản phẩm Apple có một số biến động vào cuối năm 2018 dẫn đến mức độ cạnh tranh thị trường cao. Doanh thu online đạt mức 2,432 tỷ đồng, tăng trưởng 21% so với năm 2017. Trong năm 2018, Bán hàng qua kênh online đã ghi nhận những con số ấn tượng: Lượt truy cập

online của khách hàng vào trang web của FRT là 360,325,253 lượt, tăng 41,6% so với năm 2017, trong đó có 1,780,887 lượt tương tác trực tiếp với khách hàng. Điều này góp phần tạo nên sự tăng mạnh về doanh thu Online của FRT trong năm 2018- tăng 21% so với năm 2017.

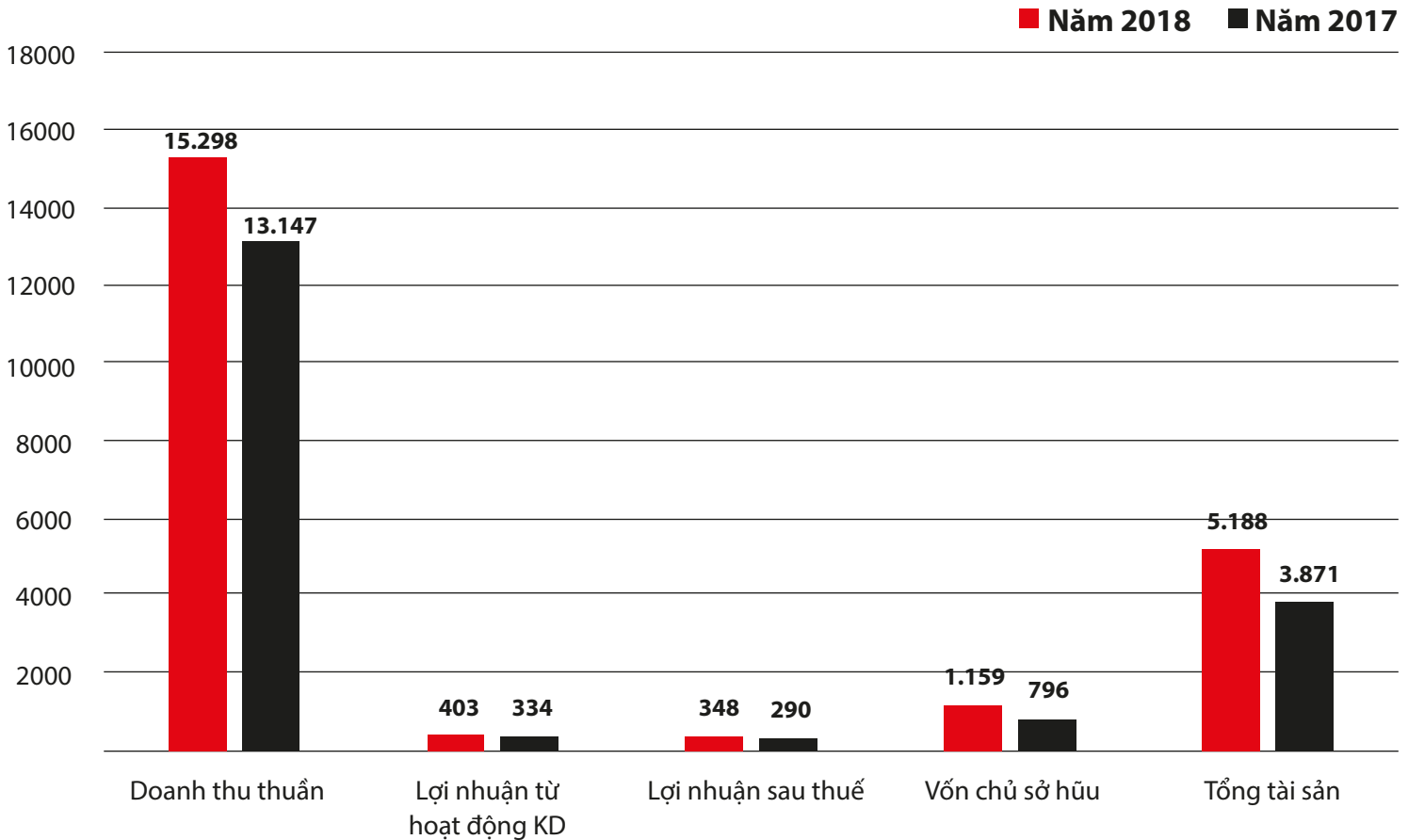
Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 348 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 2.3% và tăng trưởng 20% so với năm 2017.

Trong năm 2018, tổng số lượng cửa hàng đạt 533 shop, tăng 60 shop so với cuối kỳ tháng 12 năm 2017. Doanh số trung bình trên của hàng đạt 2.4 tỷ đồng/cửa hàng/tháng, tăng nhẹ so với năm 2017.

Năm 2018, FRT quản lý và tối ưu hóa được chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, tỷ lệ chi phí

quản lý doanh nghiệp, tỷ lệ chi phí bán hàng giảm từ 8,8% trên tổng doanh số trong năm 2017 xuống còn 8,5% nhờ vào việc tối ưu hóa giờ công, triển khai hình thức kiêm nhiệm cho nhân viên, tối đa lợi ích cho nhân viên cũng như doanh nghiệp. Tương tự chi phí quản lý cũng giảm từ 2.3% trên tổng doanh số xuống còn 1,9%. Tuy nhiên, mức độ giảm trên % chi phí cũng đóng góp phần lớn do doanh thu tăng nhiều hơn lượng tăng của chi phí trong 2018, cụ thể, doanh số cả năm tăng 16% trong khi chi phí bán hàng chỉ tăng 12,3% và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm đi 5%.

Kết quả hoạt động kinh doanh:



FPT Retail hiện nay đang sở hữu 2 chuỗi cửa hàng FPTshop, F-Studio và 1 công ty con là công ty cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu được thành lập vào tháng 9/2018.



Hệ thống bán lẻ FPT Shop là chuỗi chuyên bán lẻ các sản phẩm kỹ thuật số di động bao gồm điện thoại di động, máy tính bảng, laptop, phụ kiện và dịch vụ công nghệ... FPT Shop là hệ thống bán lẻ đầu tiên ở Việt Nam được cấp chứng chỉ ISO 9001:2000 về quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, FPT Shop là chuỗi bán lẻ lớn thứ 2 trên thị trường bán lẻ hàng công nghệ.



Chuỗi cửa hàng F.Studio By FPT: Là chuỗi cửa hàng được ủy quyền chính thức của Apple tại Việt Nam ở cấp độ cao cấp nhất, chuyên kinh doanh các sản phẩm chính hãng của Apple. FPT Retail là công ty đầu tiên có chuỗi bán lẻ với đầy đủ mô hình cửa hàng của Apple bao gồm: Cấp 1 là APR (Apple Premium Reseller), cấp 2 AAR (Apple Authorised Reseller) và iCorner, mang đến cho khách hàng không gian tuyệt vời để trải nghiệm những sản phẩm công nghệ độc đáo, tinh tế của Apple cùng dịch vụ bán hàng và chất lượng chăm sóc khách hàng cao cấp và thân thiện nhất. Số cửa hàng chuỗi F-studio: bao gồm APR và cửa hàng AAR side-

by- side trong năm 2018 đạt 14 cửa hàng. Doanh số của chuỗi cửa hàng này đóng góp 423 tỷ đồng vào tổng doanh số FRT, tăng 61% so với cùng kỳ năm 2017.



Long Châu là chuỗi nhà thuốc chuyên kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y khoa, thực phẩm chức năng chính hãng thuộc Hệ thống Bán lẻ FPT Retail. Với ưu thế về giá cả cạnh tranh, chất lượng sản phẩm đạt chuẩn cùng đội ngũ dược sỹ có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản, nhà thuốc Long Châu là địa chỉ uy tín và đáng tin cậy cho sức khỏe của khách hàng.

CƠ CẤU DOANH THU

Kết thúc năm 2018, tổng doanh thu của FPT Retail đạt 15.298 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2017.

Doanh thu từ mảng bán lẻ điện thoại di động và Apple trong năm 2018 đạt 12.473 tỷ đồng, tăng trưởng 21,63% so với năm 2017 và đóng góp 81,5% vào tổng doanh thu thuần của FPT Retail. Nguyên nhân tăng trưởng là do FPTshop đã mở thêm 60 cửa hàng trong năm, đồng thời đẩy mạnh doanh số bán hàng trực tuyến bằng các chương trình khuyến mãi, giảm giá chỉ có trên kênh online. Các hãng điện thoại cũng nắm bắt rất tốt tâm lý người tiêu dùng, không ngừng cải tiến sản phẩm và liên tục ra các sản phẩm mới. Bên cạnh đó, công ty hợp tác hiệu quả với các nhà tài chính cho ra nhiều chính sách trả góp linh hoạt, giúp khách hàng dễ dàng chi trả sản phẩm ưa thích ở phân khúc cao hơn.



Doanh số của chuỗi cửa hàng F-studio năm 2018 đóng góp 423 tỷ đồng vào tổng doanh số FRT, tăng 61% so với cùng kỳ năm 2017 với tổng số cửa hàng APR và cửa hàng AAR side-by-side là 14 cửa hàng. Doanh thu bán các sản phẩm máy tính cá nhân và máy tính bảng đạt 1.501 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2017 và đóng góp 9,8% vào doanh thu thuần do vẫn chịu ảnh hưởng từ sự giảm sút chung của thị trường khi kích thước màn hình của smartphone càng tăng, nhu cầu dành cho máy tính bảng càng giảm.

Doanh thu phụ kiện và các dịch vụ khác đạt 1,323 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2017, đóng góp 8,6% vào tổng doanh thu thuần.



CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP TỪNG NHÓM SẢN PHẨM

Năm 2018, tổng lợi nhuận gộp của FPT Retail đạt 2.044 tỷ đồng, tăng 12,5% so với năm 2017. Trong đó mảng điện thoại di động và sản phẩm Apple luôn là lĩnh vực chủ đạo của Công ty, đạt 1,343 tỷ đồng và tăng 5,6% so với năm trước. Nguyên nhân là nhờ vào việc Công ty mở rộng quy mô hoạt động, đưa ra nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn, nâng cao chất lượng phục vụ và chế độ hậu mãi cho khách hàng. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần của sản phẩm phụ kiện và dịch vụ tăng từ 21% lên 25% nhờ vào việc FPT Retail tiếp tục gia tăng nhập khẩu phụ kiện trực tiếp và đàm phán với các Nhà cung cấp về giá tốt nhất cũng như đa dạng hóa sản phẩm, giúp gia tăng tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần từ nhóm sản phẩm này. Đây cũng là mảng có biên lãi gộp cao nên công ty định hướng phát triển nhóm hàng này trong năm 2019. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần của của mảng máy tính cá nhân và máy tính bảng tăng từ 9% lên 10% là do việc các Hãng tăng tỷ lệ chiết khấu và thưởng hàng năm.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động công ty năm 2018

Trong năm 2018, FPT Retail ghi nhận tổng doanh thu đạt 15,298 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2017. Doanh thu online đạt mức 2,432 tỷ đồng, tăng trưởng ở mức 21%. Lợi nhuận trước thuế đạt 435 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 348 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2017. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) là 4.961 đồng/cổ phiếu. Để đạt được kết quả kinh doanh này, HĐQT và Ban điều hành thực hiện các giải pháp hiệu quả cho các dự án kinh doanh năm 2017 và liên tục đưa ra phương án kinh doanh mới.

■ **Trong năm 2018, tổng số lượng cửa hàng đạt 533 shop,** tăng 60 shop so với cuối kỳ tháng 12 năm 2017. Doanh số trung bình trên của hàng đạt 2.4 tỷ đồng/cửa hàng/tháng, tăng nhẹ so với năm 2017.

■ **Số cửa hàng chuỗi F-Studio: bao gồm APR và cửa hàng AAR side-by-side trong năm 2018 đạt 14 cửa hàng.** Doanh số của chuỗi cửa hàng này đóng góp 423 tỷ đồng vào tổng doanh số FRT, tăng 61% so với cùng kỳ năm 2017.

■ Sau khi đưa vào hoạt động trở lại 2 chương trình bán hàng trả góp F-Friends và trợ giá bán hàng Subsidy vào cuối tháng 8 năm 2018, doanh số từ 2 chương trình này trong cả năm 2018 lần lượt **đóng góp 5.3% và 5% tổng doanh thu cả năm.**

■ Trong năm 2018, **Lượt truy cập online của khách hàng vào trang web của FRT là 360,325,253 lượt,** tăng 41.6% so với năm 2017, trong đó có 1,780,887 lượt tương tác trực tiếp với khách hàng. Điều này góp phần tạo nên sự tăng mạnh về doanh thu Online của FRT trong năm 2018 – tăng 21% so với năm 2017.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

■ HĐQT đánh giá cao nỗ lực thực hiện hóa các mục tiêu Công ty đề ra trong kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành. Các kết quả thu lại rất khả quan với doanh thu và lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng cao.

■ Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị Quyết của ĐHCĐ, Nghị quyết của HĐQT và Quyết định của Chủ tịch HĐQT.

■ Phối hợp với Ban Kiểm soát kịp thời nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban Điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc (TGD) và 02 Phó TGD. TGD do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó TGD do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của TGD.



Bà NGUYỄN BẠCH ĐIỆP
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tỷ lệ sở hữu 0.5%

Quá Trình Công Tác

1998 - 2001:
Trợ lý Giám đốc Kinh doanh bán lẻ - Công ty phát triển đầu tư Công nghệ FPT.
2001 - 2003:
Phó Giám đốc - Business Unit
2003 - 2008:
Phó Tổng giám đốc - FPT Mobile.
Tháng 3.2008 - 2009:
Tổng giám đốc - Công ty điện thoại Ivoice.
2009 - 2011:
Tổng Giám đốc - FPT Telecom miền Nam
2011 - 2012:
Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Bán lẻ FPT.
2012 - 2017:
Tổng Giám đốc - CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT.
1/2017 đến nay:
Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân Quản trị Kinh doanh



Bà TRỊNH HOA GIANG
Thành viên Hội đồng Quản trị

Tỷ lệ sở hữu 0.5%

Quá Trình Công Tác

1994 - 2001:
Giảng viên khoa Du lịch, Viện Đại học mở Hà Nội
1997 - 2001:
Khách sạn Meritus Westlake Hà nội
2001 - 2003:
Giám đốc Nhân sự Trung tâm thương mại VKO.
2003 - 2007:
Phụ trách hệ thống show-room FPT Mobile.
2007 - 2011:
Giám đốc Kinh doanh kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Bán lẻ FPT
2011 đến nay:
TThành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân ngành sư phạm tiếng Nga và tiếng Anh, Cử nhân kinh tế



Ông NGUYỄN VIỆT ANH
Phó Tổng Giám Đốc

Tỷ lệ sở hữu 0.3%

Quá Trình Công Tác

2001 - 2003:
Chuyên viên kiểm toán - Công ty TNHH Ernst & Young.
2004 - 2005:
GD tài chính Công ty TNHH Procter & Gamble VN.
2005 - 2006:
GD phát triển kinh doanh - Công ty TNHH Procter & Gamble Việt Nam.
2006 - 2008:
GD phân tích tài chính khu vực châu Á - Công ty TNHH Procter & Gamble Việt Nam.
2009 - 2010:
Giám đốc chuỗi cung ứng toàn quốc - L'OREAL Group.
2010 - 2011:
GD tài chính và GD kinh doanh toàn quốc - Nokia.
2014 - 2015:
GD kinh doanh toàn quốc - Apple South Asia Pte.Ltd
2016 đến nay:
Phó Tổng Giám đốc CTCP Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân ngành sư phạm tiếng Nga và tiếng Anh, Cử nhân kinh tế



Bà VŨ THANH HUYỀN
Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu 0.4%

Quá Trình Công Tác

1996:
Nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần FPT.
2003:
Nhân viên Kế toán Công ty Phân phối điện thoại di động FPT.
2007:
Kế toán trưởng Công ty TNHH Bán lẻ FPT.
2012 đến nay:
Kế toán trưởng Công ty CP bán lẻ kỹ thuật số FPT.

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

Cử nhân kinh tế



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN ĐẾN 31/12/2018

Tổng số lượng CBNV FRT:

5758 người

Trong đó

→ Đại học và sau đại học:

1.320 người

→ Phổ thông:

2.869 người

→ Cao đẳng, Trung cấp,
Nghệ thuật:

1.569 người

Nhân viên chính thức:

4.604 người

Nhân viên học việc, thử việc:

1.154 người

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 44 - 48h/tuần tùy theo vị trí công việc. Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày. Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của Công ty đều được nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty có các phòng ban, trung tâm phối hợp hỗ trợ trong việc đào tạo nhân sự, xây dựng quy chế, quy trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với sự phát triển của Công ty.

Thiết lập và áp dụng các công cụ đo lường và đánh giá hiệu quả đào tạo bằng các hệ thống quản trị hiện đại thông qua việc đo lường mức độ hài lòng của khách hàng khi mua sắm tại chuỗi cửa hàng FPT Shop; và các hành vi đươc tiêu chuẩn của nhân viên khi phục vụ khách hàng. Hệ thống lương thưởng của nhân viên được thay đổi để gắn chặt vào mức độ hài lòng của khách hàng và các hành vi tiêu chuẩn khi phục vụ khách hàng. Từ đó, Công ty có thể đánh giá chất lượng tuyển dụng và đào tạo của từng nhân viên.



CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI

Chính sách tiền lương

Công ty có chế độ lương theo từng vị trí công việc cụ thể và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Mức lương tối thiểu: Công ty áp dụng mức lương/người/ tháng (thực lĩnh) cao hơn hoặc ít nhất bằng mức lương tối thiểu vùng mà Nhà nước ban hành.

Điều chỉnh, tăng lương: Căn cứ vào tình hình kinh doanh của công ty và kết quả đánh giá hiệu quả công việc của từng bộ phận cho từng cá nhân trong năm, Công ty sẽ quyết định điều chỉnh tăng lương cho phù hợp với từng cá nhân.

Chính sách phụ cấp

Phụ cấp theo chức danh: Căn cứ vào tính chất công việc mà mỗi chức danh có phụ cấp khác nhau (hoặc không có)

Phụ cấp theo level: Một số phụ cấp xét theo tiêu chí level (cấp bậc) của nhân viên.

Chính sách phúc lợi khác

Các loại Bảo hiểm bắt buộc (Bảo hiểm Xã hội): theo đúng luật lao động Bảo hiểm sức khỏe

FPT Care: cho level 3 trở lên

Nghỉ mát: hàng năm 1 lần

Nghỉ ốm, thai sản: theo đúng quy định của nhà nước

Công đoàn: cưới hỏi, ma chay, sinh đẻ, ốm nặng, lễ tết

Chính sách thưởng

Thưởng tháng 13, 14: Tùy vào tình hình kinh doanh của Công ty, Cán bộ nhân viên thỏa các điều kiện theo chính sách hàng năm sẽ được thưởng thêm tháng 13, 14... theo số tháng làm việc thực tế trong năm.

Thưởng cuối năm âm lịch: Vào dịp tết nguyên đán hàng năm, Công ty sẽ căn cứ vào kết quả làm việc của các cá nhân để xét thưởng theo thành tích. Cơ cấu thưởng và mức thưởng được công bố chi tiết trong chính sách thưởng của Công ty.

Thưởng thi đua, sáng kiến: Công ty có các Chương trình thi đua và tiêu chí thưởng riêng cho mỗi Chương trình.



Các cá nhân có đóng góp tích cực, có sáng kiến cải tiến sẽ được thưởng riêng để khuyến khích. Ngoài ra, hàng năm Công ty luôn có các phần thưởng để vinh danh các cá nhân xuất sắc nhất hàng năm theo kết quả bầu chọn từ các bộ phận, phòng ban.

Thưởng theo dự án: Các dự án sẽ có chính sách thưởng riêng theo đặc thù và tính chất công việc của từng dự án.

Thưởng khoán/KPI: Mỗi nhân viên sẽ có một KPI riêng tùy vào tính chất công việc của từng chức danh và bộ phận. Mức hoàn thành KPI này sẽ quyết định tiền thưởng chi tiết của từng nhân viên hàng tháng và hàng năm.

Trách nhiệm với cộng đồng và môi trường

Là một doanh nghiệp có định hướng toàn cầu, FPT Retail luôn hiểu rằng sự phát triển bền vững của một công ty phụ thuộc vào cộng đồng xã hội mà doanh nghiệp đó đang hoạt động. Chính vì vậy, FPT Retail sau hơn 7 năm thành lập và phát triển, luôn nỗ lực thực hiện các mục tiêu kinh tế gắn liền với các hoạt động hỗ trợ cao nhất cho cộng đồng và xã hội. Tại FPT Retail, các hoạt động hỗ trợ này đóng một vai trò quan trọng với sự đóng góp vật chất và tinh thần đến từ các nhân viên và lãnh đạo của công ty.



CON NGƯỜI LÀ YẾU TỐ THEN CHỐT

Trong nhiều năm, FPT Retail luôn kiên trì thực hiện các hoạt động phát triển bền vững với định hướng con người là yếu tố then chốt. Bởi vậy, FPT Retail luôn chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực cũng như các hoạt động hỗ trợ giáo dục và thể hệ trẻ.

Cùng với đó, FPT Retail cho rằng, lòng nhân ái và tinh thần sẻ chia cũng là một trong những yếu tố giúp xây dựng một xã hội bình ổn và phát triển. Mỗi năm, các cán bộ nhân viên của FPT Retail đều cùng góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững thông qua những hành động thiết thực, từ đồng hành trực tiếp cùng Công ty trong các hoạt động thiện nguyện tới việc tham gia đóng góp tài chính. Riêng trong năm 2018, FPT Retail cùng cán bộ nhân viên đã hỗ trợ gần 4 triệu người trên phạm vi toàn quốc, trong đó:

- Khoản chi từ nguồn đóng góp của CBNV FPT Retail trong chương trình “FPT Retail 1 ngày lương vì cộng đồng”: 701,408.026 VND

- Khoản chi huy động từ đóng góp của các cá nhân: hơn 500.000.000 VND

Khoản kinh phí này được FPT Retail sử dụng chủ yếu cho ba mục đích đầu tư như sau:

- Thiện nguyện dành cho giáo dục và thế hệ trẻ em nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.

- Các hoạt động thiện nguyện hỗ trợ cho các gia đình CBNV có hoàn cảnh khó khăn, gặp tai nạn giao thông nghiêm trọng hoặc không may bị những căn bệnh hiểm nghèo nguy hiểm tới tính mạng của chính CBNV, vợ/ chồng/ con cái.

- Các hoạt động ứng cứu thiên tai.





■ Các hoạt động đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ:

Là nội dung trọng tâm trong các hoạt động trách nhiệm xã hội, trong năm 2018, FPT Retail sử dụng tới 83% tổng kinh phí chi cho các hoạt động trách nhiệm xã hội để đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ, thông qua hàng loạt các hoạt động sau:

■ Cuộc thi “Tin học thanh thiếu niên khuyết tật toàn thành phố Hà Nội”. Với mong muốn góp phần thúc đẩy việc tiếp cận công nghệ thông tin đối với thanh thiếu niên khuyết tật tại Hà Nội và hưởng ứng cuộc thi “Thách thức công nghệ thông tin toàn cầu với thanh thiếu niên khuyết tật” dành cho thanh thiếu niên khuyết tật các nước trong khu vực châu Á- Thái Bình Dương do Hội Phục hồi chức năng NKT Hàn Quốc tổ chức vào tháng 11/2018 tại Ấn Độ; với sự hỗ trợ của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội (DP Hanoi) phối hợp cùng tổ chức cuộc thi tin học cho thanh thiếu niên khuyết tật tại Hà Nội. FPT Retail hân hạnh là nhà tài trợ độc quyền cho cuộc thi, tạo điều kiện để các em phát triển một cách toàn diện với mong muốn các em có cơ hội để được làm những dự án lớn, mang lại thành công với quy mô lớn trong tương lai, giúp các em hòa nhập với xã hội một cách tốt nhất.

Trong suốt quá trình tham gia với khoảng 50 thanh thiếu niên khuyết tật tại Hà Nội (học tập tại Trung tâm/ Trường chuyên biệt, học sinh cấp 2, cấp 3 trong độ tuổi từ 13– 22 tuổi) đã được thử sức mình với nội dung thi đa dạng về eTool challenge và eLifeMap challenge trong 2 ngày 24, 25/07/2018. Qua cuộc thi đã lựa chọn được 4 thanh thiếu niên khuyết tật tham dự cuộc thi “Thách thức công nghệ thông tin toàn cầu với thanh thiếu niên khuyết tật” (Global IT Challenge for Youth with Disabilities), dự kiến từ ngày 08-12/11/2018 tại New Delhi, Ấn Độ. Đây là lần thứ sáu chương trình được tổ chức trong thập kỷ thứ 3 về người khuyết tật tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2013-2022, nhằm thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số giữa thanh thiếu niên các quốc gia thông qua việc tăng cường các kỹ năng về công nghệ thông tin và tạo cơ hội để thanh niên khuyết tật tham gia vào các hoạt động xã hội.





Chương trình “ hỗ trợ cải tạo cơ sở vật chất cho Trung Tâm Vì Ngày Mai”

Nhằm mục tiêu giúp trẻ em hiện đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm vì ngày mai được sống trong môi trường tốt hơn, sạch sẽ và hoàn thiện hơn, FPT Retail đã triển khai việc tu sửa lại khuôn viên và những phần hỏng hóc tại trung tâm với chi phí 50 triệu đồng.

Ngoài ra chúng tôi tích cực đẩy mạnh hoạt động sơn sửa nhà tình nghĩa trong khu vực ngoài thành Hà Nội giúp các gia đình chế độ có diện mạo đẹp hơn nhân ngày xuân về.

Chương trình “ FPT Retail Chắp cánh ước mơ”

Nhằm mục tiêu giúp trẻ em nghèo trên mọi miền tổ quốc tiếp cận tri thức mới và CNTT, trong năm 2018 chúng tôi đã triển khai 5 chuyến thiện nguyện ý nghĩa đến với trẻ em nghèo trên cả nước giúp tái thiết và hỗ trợ giáo dục. Với hàng chục bộ máy tính, hàng ngàn đầu sách, hàng trăm ngàn các phần quà, cùng các sân chơi đã phần nào giúp các em có thêm phương tiện tiếp cận các tri thức mới. Tổng chương trình đã chi khoảng 300 triệu cho các hoạt động trên. Cụ thể:

Chương trình thiện nguyện tại Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực- ấp Cây Điều- Bàu Hàm- Trảng Bom- Đồng Nai.

Trường có 227 học sinh là một ngôi trường vùng sâu vùng xa thuộc ấp Cây Điều, xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom, Đồng Nai. Trường có 1 điểm chính và 2 điểm trường lẻ. Các điểm trường lẻ cách điểm chính từ 5 đến 8 km. Đoàn đã tổ chức trao tặng tủ sách với 1000 cuốn sách, 02 máy tính, 227 bộ đồ dùng học tập, bánh kẹo, rèm cửa, loa kéo...

Chương trình thiện nguyện tại Trường Tiểu học Lộc Tiến- Thôn Trung Kiển, Xã Lộc Tiến, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường có 230 em học sinh đều là người dân tộc thiểu số. Đoàn đã trao tặng tủ sách với 1000 cuốn sách, 02 máy tính, 230 bộ đồ dùng học tập, bánh kẹo, cùng sân chơi cho các con.

Chương trình thiện nguyện Trường PTDTBT TH và THCS Văn Chải, Huyện Đồng Văn, Tỉnh Hà Giang.

Trường gồm 900 học sinh với 1 điểm trường chính, 3 trường phụ, 100% học sinh là người dân tộc thiểu số. Đoàn đã trao tặng tủ sách với 1000 cuốn sách, 03 máy tính, 900 bộ đồ dùng học tập, bánh kẹo, 900 chiếc áo đồng phục cùng sân chơi cho các con...

Chương trình thiện nguyện tại trường TH Nghĩa Thái, Tân Kỳ, Nghệ An.

Trường gồm 530 học sinh với 1 điểm trường chính, 3 trường phụ, 100% học sinh là người dân tộc thiểu số. Đoàn đã tặng tủ sách với 1000 cuốn sách, 02 máy tính, bộ đồ dùng học tập, bánh kẹo, áo đồng phục...

Chương trình thiện nguyện tại Trường Tiểu học Noong Luống, Huyện Điện Biên Tỉnh Điện Biên.

Trường gồm 457 học sinh với 1 điểm trường chính, 3 trường phụ, 100% học sinh là người dân tộc thiểu số. Đoàn đã trao tặng tủ sách với 1000 cuốn sách, 03 máy tính, 01 bộ ti vi đầu đĩa phục vụ phòng nghe nhìn, 457 suất quà, 270 chiếc áo phao cho học sinh giỏi.

Chương trình thiện nguyện tại Trường Tiểu học Tân Nhuận Đông 2, ấp Tân An, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, Đồng Tháp.

Toàn trường có 285 học sinh, có 05 khối lớp (Từ lớp 1 đến lớp 5), có 10 lớp học. Đoàn đã trao tặng tủ sách với 1000 cuốn sách, 02 máy tính, 285 cặp sách, 10 suất học bổng cùng các phần quà động viên khác.

Các hoạt động thiện nguyện hỗ trợ dành cho chính người FPT Retail.

Nhằm lan tỏa tinh thần nhân ái, và quan tâm chăm sóc đến chính người FPT Retail, Chúng tôi đã xây dựng hệ thống đưa thông tin những trường hợp nhân viên gặp khó khăn vô cùng chặt chẽ để tương trợ đúng lúc và kịp thời. Năm 2018 chúng tôi đã hỗ trợ gần 30 trường hợp cán bộ nhân viên cần được chung tay hỗ trợ với 717,965,000 VNĐ được sử dụng, trong đó có 356,965,000 VNĐ được huy động từ đóng góp cá nhân. Nhờ đó hàng chục gia đình cán bộ nhân viên được hỗ trợ kịp thời, cán bộ nhân viên ổn định cuộc sống, thêm phần an tâm công tác, cố gắng hết mình trong công việc.



Các hoạt động ứng cứu thiên tai.

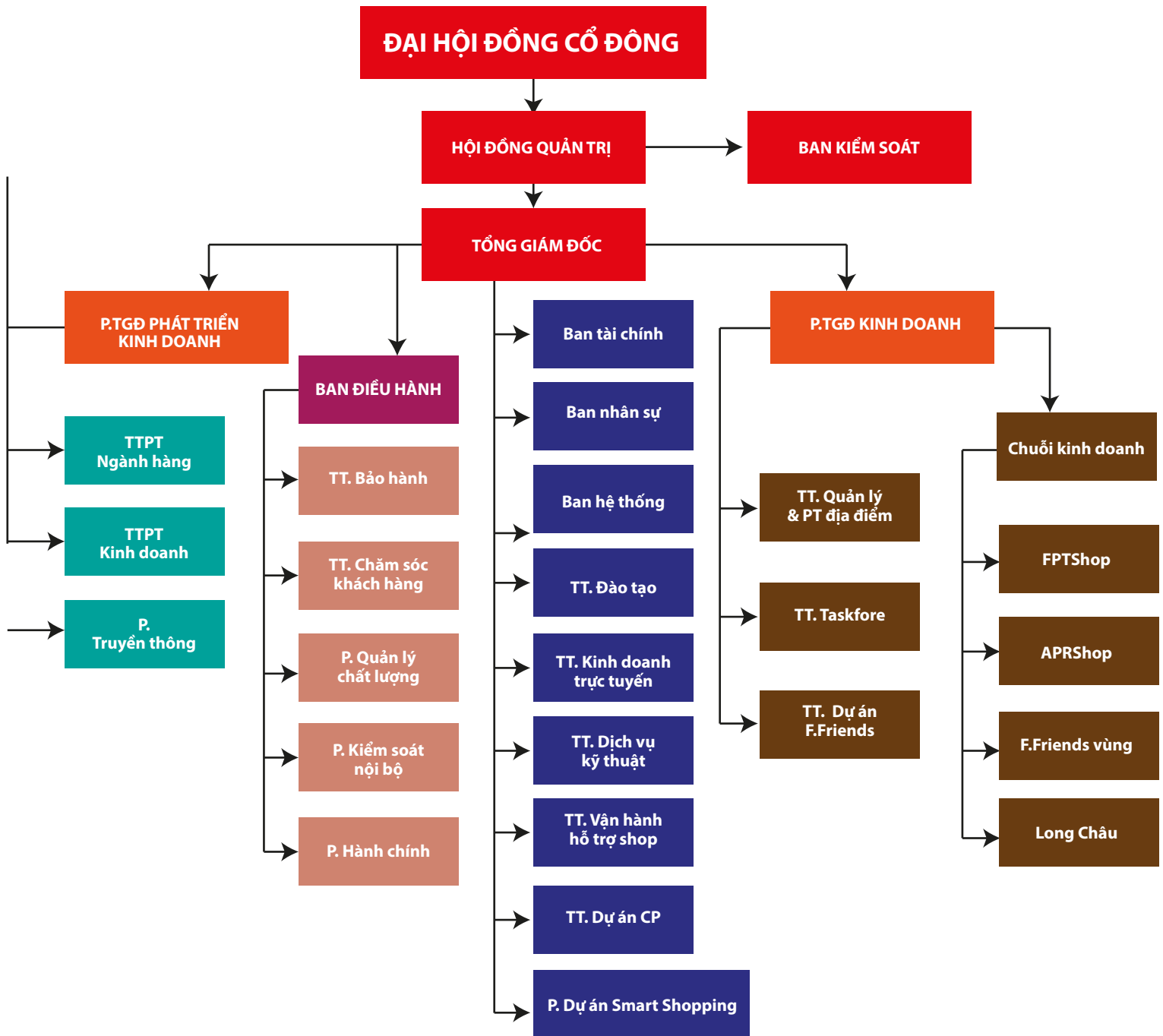
Năm 2018 là năm may mắn khi thiên nhiên khá ôn hòa, không có những trận thiên tai gây thiệt hại nặng nề như các năm trước. Bởi vậy trong năm nay FPT Retail chỉ tổ chức 1 chương trình hỗ trợ, ứng cứu đồng bào gặp lũ lụt, ngập úng, cô lập tại Mường Lát Thanh Hóa với tổng chi phí chương trình 50.000.000 đồng. Trực tiếp Cán bộ nhân viên công ty đã xuống tận huyện tận bản trao tận tay những nhu yếu phẩm thiết yếu phần nào giúp người dân ổn định cuộc sống.

Ngoài ra với mong muốn lan tỏa tinh thần nhân ái với tôn chỉ mỗi nhân viên FPT đều trực tiếp tham gia vào các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng, san sẻ với các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, FPT Retail khuyến khích mỗi nhân viên đóng góp tối thiểu một ngày lương vào Quỹ Người FPT vì cộng đồng.

FPT Retail cùng với Tập đoàn FPT đã phối hợp cùng Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Trung tâm Tình nguyện Quốc gia (VVC) tổ chức chương trình Ngày “Tiên phong hành động vì cộng đồng” để hưởng ứng Chiến dịch Ngày làm việc tốt (Good Deeds Day) và Ngày FPT vì cộng đồng 13/3. Chương trình đã thu hút hơn 500 người FPT Retail tham gia; được tiếp nối bởi các hoạt động, chương trình an sinh xã hội như sơn sửa hàng trăm mái ấm tình thương, nhà tình nghĩa; xây dựng sân chơi cho trẻ em vùng sâu vùng xa và các hoạt động hỗ trợ giáo dục khác trên toàn quốc... Các hoạt động truyền thống khác vẫn được duy trì bền vững, trong năm 2018 FPT tiếp tục duy trì truyền thống hiến máu cứu người và đã trao đi gần 300 đơn vị máu.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên đã tổ chức 07 cuộc họp (từ tháng 01 đến tháng 12). Cụ thể như sau:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỈ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Nguyễn Bạch Diệp	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%	
2	Trịnh Hoa Giang	Thành viên HĐQT	7/7	100%	
3	Nguyễn Thế Phương	Thành viên HĐQT	7/7	100%	
4	Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	6/7	86%	Cuộc họp HĐQT thứ 1 số 2302/2018-NQ/HĐQT.JSC ngày 23/02/2018. Ông Hoàng Trung Kiên chưa là TV HĐQT
5	Lê Hồng Việt	Thành viên HĐQT	6/7	86%	Cuộc họp HĐQT thứ 1 số 2302/2018-NQ/HĐQT.JSC ngày 23/02/2018. Ông Lê Hồng Việt chưa là TV HĐQT



Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	2302/2018-NQ/HĐQT.JSC	23/02/2018	Thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên 2018
2	2604/2018 NQHĐQT/ TV/FRT.JSC	26/04/2018	Triển khai việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu dựa trên nguồn lợi nhuận giữ lại tính đến ngày 31/12/2017
3	Không có số	14/06/2018	Phê duyệt hạn mức tín dụng cấp bởi Standard Chartered, Singapore Branch
4	0108/2018 NQGDQL/HĐQT/FRT.JSC	01/08/2018	Thông qua chủ trương thực hiện giao dịch giữa Công ty Cổ phần Bán lẻ kỹ thuật số FPT với các doanh nghiệp và người có liên quan
5	1309/2018 NQSDĐL/HĐQT/FRT/JSC	13/09/2018	Thông qua sửa đổi Khoản 1, Điều 7: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập trong Điều lệ công ty cổ phần Bán lẻ kỹ thuật số FPT thành: số vốn điều lệ của công ty là 680.000.000.000 đồng (Lý do: Phát hành thành công cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu dựa trên nguồn lợi nhuận giữ lại tính đến ngày 31/12/2017)
6	09/2018 NQHĐQT/GV/FRT.JSC	13/09/2018	Thông qua việc tham gia góp vốn thành lập công ty con – Công ty cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu, với tỷ lệ sở hữu của công ty cổ phần Bán lẻ kỹ thuật số FPT là 75%
7	07.2018 NQ-HĐQT/FRT	12/11/2018	Thông qua chủ trương thực hiện giao dịch giữa Công ty cổ phần Bán lẻ kỹ thuật số FPT với công ty con là công ty cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng quản trị, giám sát, định hướng hoạt động kinh doanh của công ty, đồng thời tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các giải pháp để hoàn thành mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Công tác hoạch định chiến lược tiếp tục được kiện toàn.

Báo cáo chi phí thù lao của Hội đồng quản trị Công ty:

Chủ tịch Hội đồng quản trị:	0 đồng/năm.
Thành viên Hội đồng quản trị:	0 đồng/năm.
Thư ký Hội đồng quản trị:	0 đồng/năm.
Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2018:	0 đồng.

Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2019

Tập trung đơn đốc, giám sát việc triển khai kế hoạch để hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2019 được Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

Nâng cao công tác quản trị công ty theo chuẩn của một Công ty đại chúng, đồng thời nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro cùng Ban kiểm soát trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp; Nâng cao năng lực đội ngũ lãnh đạo, tập trung phát triển công nghệ vào ứng dụng phục vụ khách hàng, cải tiến đổi mới quy trình bằng công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả của mỗi nhân viên trong Công ty.

Thông tin cổ phiếu:

Năm 2018, FPT Retail đưa công ty lên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là FRT, giao dịch lần đầu tiên vào ngày 26/04/2018.

Thống kê khối lượng giao dịch và diễn biến của cổ phiếu FRT năm 2018 như sau:

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị
1	Tổng số phiên	174	Phiên
2	Tổng khối lượng khớp lệnh	9,349,400	Cổ phiếu
3	Tổng giá trị khớp lệnh	1,171,790	Triệu đồng
4	Tổng khối lượng đặt mua	11,719,480	Cổ phiếu
5	Tổng khối lượng đặt bán	11,865,820	Cổ phiếu
6	Khối lượng giao dịch nhiều nhất (27/04/2018)	2,520,730	Cổ phiếu
7	Khối lượng giao dịch khớp lệnh bình quân/phiên	45,162	Cổ phiếu
8	Giá cao nhất (02/05/2018)	98,981	VND/ Cổ phiếu

Thống kê giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại FRT tối đa là 49% , số phiên giao dịch của khối ngoại là 172 phiên với tổng số lượng giao dịch là 7,968,040 cổ phiếu tương đương với giá trị giao dịch là 1,073 tỷ đồng. Tại ngày 28/12/2018, tỷ lệ sở hữu nước ngoài đạt mức tối đa 49%.



Phát hành thêm cổ phiếu:

Trong năm 2018, FRT thực hiện tăng điều lệ từ nguồn lợi nhuận giữ lại ghi trên báo cáo tài chính kiểm toán tại ngày 31/12/2017 theo tỷ lệ 70%. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 28.000.000 cổ phiếu, nâng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành lên 68.000.000 cổ phiếu.

Vốn điều lệ trong năm 2018 theo đó tăng từ 400.000.000.000 đồng lên 680.000.000.000 đồng theo nghị quyết ĐHCĐ năm 2018.

Tình hình giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2018, không xảy ra giao dịch mua bán cổ phiếu quỹ, vì vậy số lượng cổ phiếu quỹ cuối kỳ năm 2018 là 0 cổ phiếu.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Dựa theo loại cổ phần

A



A - Cổ phiếu phổ thông
 Số lượng : 68,000,000
 Mệnh giá 10.000 VND
 Tỷ lệ: 100%
 Quyền biểu quyết 1:1

B



B - Cổ phiếu quỹ
 Số lượng : 0
 Mệnh giá 10.000 VND
 Tỷ lệ: 0%
 Quyền biểu quyết 1:0

Dựa theo mức cổ phiếu

Loại	Số cổ phần	Cổ đông		Tổng cổ phần	
	Mức cổ phiếu sở hữu	Số lượng cổ đông	Tỉ lệ %	Số cổ phần	Tỉ lệ %
1	1 - 5.000	314	75.28%	153.449	0.23%
2	5.000 - 20.000	36	7.95%	375.822	0.55%
3	20.000 - 50.000	19	4.19%	629.318	0.93%
4	50.000 - 100.000	14	3.09%	969.482	1.43%
5	100.000 - 500.000	24	5.30%	6.323.207	9.30%
6	500.000 - 1.000.000	6	1.32%	4.024.040	5.92%
7	1.000.000 - 3.000.000	11	2.43%	18.552.486	27.28%
8	> 3.000.000	2	75.28%	36.972.196	54.37%
Cộng		453	100%	68,000,000	100%

Dựa theo địa lý:

Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỉ lệ %	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ %
Cổ đông trong nước				
Cá nhân	316	69.8%	2.488.860	3.7%
Tổ chức	12	2.6%	32.417.369	47.7%
Cổ đông nước ngoài				
Cá nhân	58	12.8%	111.275	0.2%
Tổ chức	67	14.8%	32.982.496	48.5%
	453	100%	68,000,000	100%

10 cổ đông lớn nhất:

10 cổ đông lớn nhất	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %
Công Ty Cổ Phần Fpt	31.960.000	47.0%
VOF Investment Limited	5.012.196	7.4%
Wareham Group Limited	2.550.000	3.8%
Amersham Industries Limited	2.305.280	3.4%
Hanoi Investments Holdings Limited	2.239.310	3.3%
Jpmorgan Vietnam Opportunities Fund	1.866.126	2.7%
Vietnam Enterprise Investments Limited	1.688.137	2.5%
Viet Nam Stock Mother Fund	1.655.000	2.4%
Vietnam Growth Stock Income Mother Fund	1.499.485	2.2%
Coeli Sicav I-Frontier Markets Fund	1.353.995	2.0%

Dựa theo mức cổ phiếu

Năm 2018 là năm đầu tiên FPT Retail giao dịch tại sàn chứng khoán Hồ Chí Minh, bộ phận Quan hệ đầu tư của FRT đã làm việc tích cực và không ngừng trau dồi, cải thiện để cung cấp cho nhà đầu tư những thông tin kịp thời, đúng đắn và minh bạch nhất.

Một số hoạt động tiêu biểu trong năm 2018 như sau:

- Tuân thủ các quy định về việc công bố thông tin, đảm bảo công bố thông tin kịp thời, đúng hạn;
- Duy trì cập nhật thông tin về kết quả kinh doanh của công ty qua các báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý được cập nhật đến nhà đầu tư, phân tích và Website công ty;
- Tổ chức đều đặn các buổi Analyst meeting nhằm cung cấp thông tin và trao đổi trực tiếp với Nhà đầu tư, phân tích về tình hình hoạt động cũng như cập nhật kế hoạch kinh doanh của công ty;
- Các quỹ đầu tư luôn quan tâm và tìm hiểu thông tin về FRT với hơn 30 cuộc họp trực tiếp và gián tiếp qua conference call trong năm 2018 với Ban lãnh đạo FRT.



Trong năm 2018, Ban lãnh đạo FRT cũng tham gia nhiều hội thảo lớn được tổ chức bởi các tổ chức trong và ngoài nước như:

- Hội thảo Vietnam Access Day do công ty chứng khoán Bản Việt tổ chức vào tháng 3/2018;
- Hội thảo Vietnam Investment Day do công ty chứng khoán Rồng Việt và Vina Capital tổ chức tại Hồng Kông tháng 5/2018;
- Hội thảo Invest Asia 2019 tổ chức tại Luân Đôn tháng 6/2018;
- Hội thảo Vietnam Corporate Access Tour tổ chức vào 6/2018;
- Hội nghị Đầu tư "HSC's Emerging Vietnam Conference 2018 do HSC tổ chức 9/2018;
- Hội thảo Vietnam Access Day tổ chức tại Bangkok vào 10/2018;
- Large-cap tour tổ chức bởi Bản Việt vào tháng 12/2018;
- Và nhiều hội thảo khác: Vietnamese companies và các cuộc họp giữa các quỹ và công ty khác.

Năm 2019, Bộ phận quan hệ nhà đầu tư tiếp tục đặt mục tiêu:

- Là cầu nối thông tin đầy đủ và hiệu quả giữa FRT và nhà đầu tư. Cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho nhà đầu tư.
- Tôn trọng lợi ích của nhà đầu tư, cổ đông.
- Ghi nhận các ý kiến đóng góp của Nhà đầu tư nhằm mục đích xây dựng công ty vững mạnh và phát triển hơn.





Fpt Retail

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	38 - 39
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	40 - 41
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	42 - 43
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	44
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	45 - 46
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	47 - 65

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Bạch Diệp	Chủ tịch
Bà Trịnh Hoa Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Phương	Thành viên
Ông Lê Hồng Việt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Bạch Diệp	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Hoa Giang	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc thứ hai

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 Số: /VN1A-HN-BC

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Bạch Diệp

**Kính gửi: Các Cổ đông
Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Năm 2018 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất do có giao dịch hợp nhất phát sinh trong năm, do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất không có số liệu so sánh. Số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm nay được hợp nhất từ số liệu của Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (Công ty mẹ) trong năm 2018 và số liệu của công ty con kể từ khi Công ty con này thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Tuấn Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2014-001-1

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	4	4.815.269.284.036
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		948.378.394.826
1. Tiền	111		855.378.394.826
2. Các khoản tương đương tiền	112		93.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.140.042.971
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.140.042.971
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	1.206.756.927.412
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	237.824.070.242
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	144.013.265.281
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	120.359.066.193
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	722.345.486.208
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(17.784.960.512)
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.506.218.917.201
1. Hàng tồn kho	141		2.519.583.804.091
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.364.886.890)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		149.775.001.626
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	94.320.134.590
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.454.839.536
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	
			27.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		352.400.130.929
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	8	84.027.534.483
1. Phải thu dài hạn khác	216		84.027.534.483
II. Tài sản cố định	220		45.591.818.347
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.154.076.518
- Nguyên giá	222		9.344.459.141
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.190.382.623)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	40.437.741.829
- Nguyên giá	228		44.481.737.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.043.996.161)
III. Tài sản dài hạn khác	260		222.780.778.099
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	222.780.778.099
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.167.669.414.965
(270=100+200)			

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	14	4.008.902.282.342
I. Nợ ngắn hạn	310	15	4.008.902.282.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		705.892.254.385
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	13.917.697.969
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	24.449.995.872
3. Phải trả người lao động	314	18	1.115.924.887
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		157.056.851.165
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		146.801.625.616
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		2.947.271.984.607
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.395.947.841
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	1.158.767.132.623
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.158.767.132.623
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		680.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		680.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		453.783.369.452
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		116.454.372.696
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		337.328.996.756
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24.983.763.171
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.167.669.414.965



Phạm Thị Ngọc Anh
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Vũ Thanh Huyền
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bạch Diệp
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp Dịch vụ	01	22	15.889.645.872.798
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	591.311.306.900
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	15.298.334.565.898
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	13.254.725.142.547
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.043.609.423.351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	42.866.217.249
7. Chi phí tài chính	22	26	100.572.817.952
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		95.670.507.863
8. Chi phí bán hàng	25	27	1.296.274.813.568
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	286.839.549.948
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		402.788.459.132
11. Thu nhập khác	31		34.150.544.259
12. Chi phí khác	32		2.163.805.024
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		31.986.739.235
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		434.775.198.367
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	87.028.076.358
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		347.747.122.009
16.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		347.763.358.838
16.2. (Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(16.236.829)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.961

Phạm Thị Ngọc Anh
Người lập biểu/
Kế toán trưởng

Vũ Thanh Huyền
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bạch Điệp
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	434.775.198.367
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	781.002.276
Các khoản dự phòng	03	14.477.629.465
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.380.950.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(20.946.487.598)
Chi phí lãi vay	06	95.670.507.863
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	522.376.900.373
(Tăng) các khoản phải thu	09	(60.063.346.100)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(790.234.430.865)
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(849.889.822.830)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(17.223.193.362)
Tiền lãi vay đã trả	14	(90.618.315.335)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(92.733.427.092)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.350.581.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.386.736.216.261)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(74.372.727)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(124.499.109.164)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.961.655.437
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(104.611.826.454)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU**MÃ SỐ****NĂM NAY****III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	25.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	8.665.290.182.642
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.888.639.840.795)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.801.650.341.847
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	310.302.299.132
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	638.076.095.694
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	948.378.394.826



Phạm Thị Ngọc Anh
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Vũ Thanh Huyền
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bạch Điệp
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311609355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2012 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.656 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- ▶ Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ▶ Sửa chữa máy móc thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ▶ Đại lý, môi giới, đấu giá;
- ▶ Quảng cáo;
- ▶ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- ▶ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ▶ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- ▶ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- ▶ Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- ▶ Dịch vụ thông tin khác: dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet, dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ đổi dữ liệu điện tử;
- ▶ Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- ▶ Buôn bán thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, sinh phẩm bảo quản điều kiện thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập công ty con là Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2018-NQHĐQT/GV/FRT.JSC ngày 13 tháng 9 năm 2018.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty có địa chỉ tại số 261 - 263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có chi nhánh tại 62 tỉnh, thành phố trên cả nước và 01 công ty con như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	Thành phố Hồ Chí Minh	75%	75%	Kinh doanh dược phẩm

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2018 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất do có giao dịch hợp nhất phát sinh trong năm, do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất không có số liệu so sánh. Số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm nay được hợp nhất từ số liệu của Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (“Công ty mẹ”) trong năm 2018 và số liệu của công ty con từ khi công ty con thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đơn vị: VND

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị ghi sổ tại ngày mua con được xác định theo giá trị ghi sổ tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị ghi sổ của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Năm Nay (số năm)

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn và không thực hiện trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính từ 3 - 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê nhà và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê nhà thể hiện số tiền thuê nhà đã được trả trước. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí sửa chữa, cải tạo các cửa hàng kinh doanh với khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.
- Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Trong năm 2018, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa cơ sở tính thuế thu nhập và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND
Tiền mặt	177.384.373.290
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	669.689.435.883
Tiền đang chuyển	8.304.585.653
Các khoản tương đương tiền (i)	93.000.000.000
	948.378.394.826

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 5,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	4.126.610.101
Các khoản phải thu khách hàng khác	233.697.460.141
	237.824.070.242
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	1.552.434.000

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm
	VND
Công ty TNHH MTV Tân MTV.....	122.983.365.255
Các đối tượng khác	21.029.900.026
	144.013.265.281

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh các khoản tiền cho các nhân viên trong Công ty vay với thời hạn dưới 01 năm với lãi suất cho vay 4%/năm.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm
	VND
a. Ngắn hạn	
- Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp (i)	374.777.968.319
- Dự thu lãi tiền gửi	8.683.423.083
- Phải thu người lao động.....	2.618.141.784
- Ký cược, ký quỹ (ii)	257.744.072.917
- Phải thu theo chương trình bán hàng (iii)	76.931.858.070
- Phải thu khác	1.590.022.035
	722.345.486.20

b. Dài hạn

- Ký cược, ký quỹ.....	84.027.534.48
	806.373.020.691

(i) Phản ánh khoản phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp để thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mại cho các đại lý mà nhà cung cấp cam kết tài trợ.

(ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 01 năm bằng VND được cầm cố, ký quỹ tại ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay thấu chi hoặc bảo lãnh thanh toán.

(iii) Phản ánh các khoản phải thu theo chương trình trợ giá điện thoại về gói cước áp dụng với các nhà mạng Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Vietnamobile và Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Mobifone.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. NỢ XẤU

			Số cuối năm (VND)
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Đối tượng nợ
Công ty TNHH Digital Town City Center	4.191.029.259	-	Trên 3 năm
Khác	22.239.881.604	15.567.917.123	Trên 6 tháng
Khác	13.797.689.776	6.898.844.888	Trên 1 năm đến 2 năm
Khác	33.031.263	9.909.379	Trên 2 năm đến 3 năm
	40.261.631.902	22.476.671.39	

(*) Giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

10. HÀNG TỒN KHO

	Giá gốc	Dự phòng (*)
Hàng mua đang đi đường	4.536.530.042	-
Công cụ, dụng cụ	7.872.081.241	-
Hàng hoá	2.507.175.192.808	(13.364.886.890)
	2.519.583.804.091	(13.364.886.890)

(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND
a. Ngắn hạn	
Chi phí thuê nhà	90.090.907.031
Chi phí bảo lãnh thanh toán	2.038.738.106
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.190.489.453
	94.320.134.590
b. Dài hạn	
Chi phí thiết lập ban đầu các cửa hàng	216.222.745.252
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.558.032.847
	222.780.778.099

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa và vật kiến trúc</u> VND	<u>Máy móc và thiết bị</u> VND	<u>Thiết bị văn phòng</u> VND	<u>Tổng</u> VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	4.619.723.333	4.340.015.945	363.173.201	9.322.912.479
Tăng trong năm	-	74.372.727	-	74.372.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.430.686)	-	(20.430.686)
Giảm khác	-	(32.395.379)	-	(32.395.379)
Số dư cuối năm	4.619.723.333	4.361.562.607	363.173.201	9.344.459.141
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	7.843.333	3.527.212.255	299.960.777	3.835.016.365
Khấu hao trong năm	82.254.270	259.372.931	34.169.743	375.796.944
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.430.686)	-	(20.430.686)
Số dư cuối năm	90.097.603	3.766.154.500	334.130.520	4.190.382.623
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	4.529.625.730	595.408.107	29.042.681	5.154.076.518

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.480.391.375 VND.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	40.294.000.000	4.187.737.990	44.481.737.990
Số dư cuối năm	40.294.000.000	4.187.737.990	44.481.737.990
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	3.638.790.829	3.638.790.829
Khấu hao trong năm	-	405.205.332	405.205.332
Số dư cuối năm	-	4.043.996.161	4.043.996.161
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	40.294.000.000	143.741.829	40.437.741.829

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>VND</u> <u>Giá trị</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	34.958.462.014	34.958.462.014
Công ty TNHH Apple Việt Nam	264.273.844.320	264.273.844.320
Công ty Cổ phần Synnex FPT	26.458.779.041	26.458.779.041
Công ty TNHH Sony Electronics Việt Nam	-	-
Các đối tượng khác	380.201.169.010	380.201.169.010
Cộng	705.892.254.385	705.892.254.385
Phải trả các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)		4.639.029.453

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Phải thu/ (Phải trả) do hợp nhất</u> VND	<u>Số phải nộp trong năm</u> VND	<u>Số đã thực nộp trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
a. Các khoản phải thu					
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.500	-	-	27.500
	-	27.500	-	-	27.500
b. Các khoản phải trả					
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.554.776.860.254	2.551.099.593.253	3.677.267.001
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(25.880.128.524)	87.028.076.358	92.733.427.092	20.174.777.790
Thuế thu nhập cá nhân	-	(555.166.735)	15.075.503.920	15.032.719.574	597.951.081
Thuế khác	-	-	2.111.438.471	2.111.438.471	-
	-	(26.435.295.259)	2.658.991.879.003	2.660.977.178.390	24.449.995.872

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND
Tiền lương kinh doanh	106.360.492.927
Trích trước giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp.....	10.927.076.223
Trích trước chi phí hỗ trợ trả góp.....	12.006.023.568
Chi phí lãi vay phải trả.....	8.946.634.405
Các khoản chi phí phải trả khác	18.816.624.042
	157.056.851.165

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.....	56.207.431
Kinh phí công đoàn	4.052.013.031
Phải trả tiền thu hộ đối tác	142.114.384.017
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	597.189.068
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến	132.798.644.575
Cộng đồng Việt.....	8.718.550.374
- Đối tác khác	579.021.137
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.....	146.801.625.616
Phải trả khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	597.189.068

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Đầu năm			Trong năm		Số cuối năm	
	giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng HSBC Hong Kong	-	-	-	974.492.650.000	66.775.400.000	907.717.250.000	907.717.250.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	1.850.357.999.962	1.318.353.859.355	532.004.140.607	532.004.140.607
Ngân hàng HSBC Việt Nam	-	-	455.700.000.000	1.853.112.500.000	1.812.812.500.000	496.000.000.000	496.000.000.000
Ngân hàng ANZ Việt Nam	-	-	70.500.000.000	1.952.727.870.000	1.609.227.870.000	414.000.000.000	414.000.000.000
Ngân hàng Citibank Việt Nam	-	-	258.729.292.760	628.200.000.000	601.029.292.760	285.900.000.000	285.900.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	-	297.917.662.680	62.055.068.680	235.862.594.000	235.862.594.000
Ngân hàng Standard Chartered Singapore	-	-	-	271.401.500.000	215.613.500.000	55.788.000.000	55.788.000.000
Công ty Cổ phần FPT	-	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	-	-	388.073.300.000	779.800.000.000	1.167.873.300.000	-	-
Ngân hàng Standard Chartered MU	-	-	-	37.280.000.000	37.280.000.000	-	-
			1.173.002.592.760	8.665.290.182.642	6.891.020.790.795	2.947.271.984.607	2.947.271.984.607

Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng được thực hiện dưới hình thức tín chấp trong thời hạn nhỏ hơn 01 năm và lãi suất được xác định theo từng kế ước nhận nợ. Các khoản vay bằng USD có lãi suất từ 3,4%/năm đến 3,8%/năm, các khoản vay bằng VND có lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,3%/năm.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU - Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu VND</u>	<u>Cổ phiếu quỹ VND</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</u>	<u>Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND</u>	<u>Tổng VND</u>
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất	400.000.000.000	-	396.454.372.696	25.000.000.000	821.454.372.696
Lợi nhuận trong năm	-	-	347.763.358.838	(16.236.829)	347.747.122.009
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)	280.000.000.000	-	(280.000.000.000)	-	-
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	(10.434.362.082)	-	(10.434.362.082)
Số dư cuối năm nay	680.000.000.000	-	453.783.369.452	24.983.763.171	1.158.767.132.623

(i) Nghị quyết số 2803/2018-NQ/ĐHCĐTN/FRT.JSC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tới cuối năm trước với tỷ lệ 70% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

(ii) Theo Quyết định số 935/QĐ-FRT-FHO của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với tỷ lệ là 3%, tương đương với số tiền 10.434.362.082 VND. Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cuối cùng sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0311609355 cấp lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 47 ngày 20 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 680.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>
	VND
Công ty Cổ phần FPT	319.600.000.000
VOF Investment Limited	5.012.196.000
Các cổ đông khác	355.387.804.000
	680.000.000.000

Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>Số cuối năm</u>
	VND
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng	
+ Cổ phiếu phổ thông	68.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành	
+ Cổ phiếu phổ thông	68.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ	
+ Cổ phiếu phổ thông	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	<u>Số cuối năm</u>
	Đô la Mỹ
Ngoại tệ	
Đô la Mỹ (USD)	701.839

Chứng thư bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Ngân hàng HSBC Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam đã phát hành các chứng thư bảo lãnh thanh toán cho các đối tác của Công ty. Số dư bảo lãnh của các chứng thư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Ngân hàng	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	27.000.000.000
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	300.000.000.000
Ngân hàng HSBC Việt Nam	290.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	7.000.000.000

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty và công ty con không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Xét theo khía cạnh rủi ro và lợi ích kinh tế thu được, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá rằng Công ty và công ty con hoạt động trong hai bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện, phụ kiện có liên quan và dược phẩm.

	Thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện có liên quan	Dược phẩm	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu theo bộ phận				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	15.298.334.565.898	-	-	15.298.334.565.898
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	23.064.545	-	(23.064.545)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	15.298.357.630.443	-	(23.064.545)	15.298.334.565.898
Chi phí theo bộ phận				
Chi phí giá vốn phân bổ trực tiếp theo bộ phận	13.254.748.207.092	-	(23.064.545)	13.254.725.142.547
Chi phí hoạt động phân bổ trực tiếp theo bộ phận	1.582.383.518.321	730.845.195	-	1.583.114.363.516
Tổng chi phí	14.837.131.725.413	730.845.195	(23.064.545)	14.837.839.506.063
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	461.225.905.030	(730.845.195)	-	460.495.059.835
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	434.840.145.684	(64.947.317)	-	434.775.198.367
Tài sản bộ phận	5.158.052.059.805	105.063.357.500	(95.446.002.340)	5.167.669.414.965
Nợ phải trả bộ phận	4.024.219.979.865	5.128.304.817	(20.446.002.340)	4.008.902.282.342

22. DOANH THU

	<u>Năm nay</u>
	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Trong đó:	
- Doanh thu bán hàng	15.747.480.005.667
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	142.165.867.131
	15.889.645.872.798
Doanh thu với các bên liên quan	19.648.104.045
(chi tiết tại Thuyết minh số 31)	
Các khoản giảm trừ doanh thu	591.311.306.900
- Hàng bán bị trả lại	591.311.306.900
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.298.334.565.898

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>
	VND
Giá vốn của hàng hóa	13.237.102.482.090
Giá vốn của dịch vụ	10.129.573.190
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.493.087.267
	13.254.725.142.547

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>
	VND
Chi phí mua hàng	12.564.246.386.452
Chi phí nhân công	647.727.474.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	781.002.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.610.607.013.484
Trích lập dự phòng	14.477.629.465
	14.837.839.506.063

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.946.487.598
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.808.570.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	19.111.159.651
	42.866.217.249

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND
Chi phí lãi vay	95.670.507.863
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.902.310.089
	100.572.817.952

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	
Chi phí nhân viên	166.372.687.692
Chi phí khác	120.466.862.256
	286.839.549.948
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	
Chi phí nhân viên	481.354.786.694
Chi phí thuê cửa hàng	324.226.823.624
Chi phí bán hàng khác	490.693.203.250
	1.296.274.813.568

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	87.028.076.358
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	87.028.076.358

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

Lợi nhuận trước thuế	434.775.198.367
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	365.183.425
Cộng: Các chi phí không chịu thuế	300.236.108
Cộng: Lỗ của Công ty con	64.947.317
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	435.140.381.792
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	435.140.381.792
Thuế suất thông thường	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	87.028.076.358

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Đơn vị</u>	<u>Năm nay</u> VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	VND	347.763.358.838
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	VND	(10.434.362.082)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	337.328.996.756
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phiếu	68.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	4.961

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	341.267.137.030

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng làm việc và các cửa hàng kinh doanh của Công ty. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	<u>Năm nay</u> VND
Từ 1 năm trở xuống	310.227.836.798
Trên 1 năm đến 5 năm	576.851.174.723
Trên 5 năm	5.318.000.000
	892.397.011.521

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần FPT	Cổ đông lớn (Công ty là công ty liên kết của Công ty Cổ phần FPT)
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Cùng chủ sở hữu (Công ty liên kết và công ty con của Công ty Cổ phần FPT)
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Cùng chủ sở hữu (Công ty liên kết và công ty con của Công ty Cổ phần FPT)
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	Cùng chủ sở hữu (Công ty liên kết và công ty con của Công ty Cổ phần FPT)
Bà Nguyễn Bạch Diệp	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND
Bán hàng	
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT.....	8.972.035.754
Công ty TNHH Phần mềm FPT.....	3.572.255.137
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	5.794.803.872
Công ty Cổ phần FPT	1.309.009.282
	19.648.104.045
Mua hàng	
Công ty Cổ phần FPT	6.625.519.356
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.....	25.555.420.433
Công ty TNHH Phần mềm FPT	240.625.000
	32.421.564.789
Doanh thu lãi đầu tư	
Công ty Cổ phần FPT	147.701.046
	147.701.046
Thu hồi khoản cho vay	
Bà Nguyễn Bạch Diệp.....	70.859.066.193
	70.859.066.193
Đi vay	
Công ty Cổ phần FPT.....	20.000.000.000
	20.000.000.000

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Số cuối năm</u> VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng.....	742.250.000
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	150.254.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.....	82.440.000
Công ty TNHH Phần mềm FPT.....	577.490.000
Công ty Cổ phần FPT	
	1.552.434.000

Số cuối năm

VND

Phải trả người bán ngắn hạn	
Công ty TNHH Phần mềm FPT.....	562.500.000
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	1.377.538.817
Công ty Cổ phần FPT	2.698.990.636
	4.639.029.453

Phải trả khác	
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT.....	597.189.068
	597.189.068

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Năm nay

VND

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.697.500.000
	2.697.500.000



Phạm Thị Ngọc Anh
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Vũ Thanh Huyền
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bạch Diệp
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019



Fpt Retail

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	66 - 68
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	69 - 70
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	71 - 72
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	73
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	74 - 75
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	76 - 95

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Bạch Diệp	Chủ tịch
Bà Trịnh Hoa Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Phương	Thành viên
Ông Lê Hồng Việt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Bạch Diệp	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Hoa Giang	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc thứ hai

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 Số: /VN1A-HN-BC

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Bạch Diệp

**Kính gửi: Các Cổ đông
Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Tuấn Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2014-001-1

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	4	4.713.263.625.701	3.509.329.898.101
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		855.222.356.532	638.076.095.694
1. Tiền	111		855.222.356.532	567.217.029.501
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	70.859.066.193
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.140.042.971	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.140.042.971	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.204.723.288.978	1.016.354.073.333
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	237.978.092.642	305.662.334.557
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	142.201.864.721	61.311.236.709
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	120.359.066.193	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	721.969.225.934	660.180.920.381
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(17.784.960.512)	(10.800.418.314)
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.500.148.766.024	1.723.477.573.603
1. Hàng tồn kho	141		2.513.513.652.914	1.729.349.373.226
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.364.886.890)	(5.871.799.623)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		149.029.171.196	131.422.155.471
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	94.320.134.590	59.987.136.612
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		54.709.009.106	71.434.991.359
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	27.500	27.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		424.496.454.164	361.898.379.423
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		84.022.534.483	75.676.953.433
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	84.022.534.483	75.676.953.433
II. Tài sản cố định	220		45.591.818.347	46.330.843.275
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.154.076.518	5.487.896.114
- Nguyên giá	222		9.344.459.141	9.322.912.479
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.190.382.623)	(3.835.016.365)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	40.437.741.829	40.842.947.161
- Nguyên giá	228		44.481.737.990	44.481.737.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.043.996.161)	(3.638.790.829)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		75.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	75.000.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		219.882.101.334	239.890.582.715
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	219.882.101.334	239.890.582.715
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.137.760.079.865	3.871.228.277.524

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.003.927.999.925	3.074.773.904.828
I. Nợ ngắn hạn	310		4.003.927.999.925	3.074.773.904.828
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	701.189.728.968	1.499.029.173.276
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.917.697.969	13.232.192.403
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	24.449.995.872	26.435.295.259
3. Phải trả người lao động	314		1.115.924.887	2.286.258.369
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	156.816.235.165	233.477.641.989
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	146.770.484.616	115.767.230.511
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	2.947.271.984.607	1.173.002.592.760
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.395.947.841	11.543.520.261
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.133.832.079.940	796.454.372.696
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.133.832.079.940	796.454.372.696
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		680.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		680.000.000.000	400.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		453.832.079.940	396.454.372.696
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		116.454.372.696	115.280.104.029
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		337.377.707.244	281.174.268.667
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.137.760.079.865	3.871.228.277.524



Phạm Thị Ngọc Anh
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Vũ Thanh Huyền
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bạch Diệp
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	15.889.668.937.343	13.795.035.596.010
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	591.311.306.900	648.520.639.787
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	15.298.357.630.443	13.146.514.956.223
	11		13.254.748.207.092	11.330.254.658.862
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	24	2.043.609.423.351	1.816.260.297.361
	21		42.200.319.371	54.297.245.398
6. Doanh thu hoạt động tài chính				
7. Chi phí tài chính	22	26	100.572.817.952	82.022.739.110
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	27	95.670.507.863	78.950.962.895
8. Chi phí bán hàng				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	1.295.614.240.069	1.154.044.781.327
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	26	28	286.769.278.252	300.251.042.403
	30			
11. Thu nhập khác			402.853.406.449	334.238.979.919
12. Chi phí khác	31		34.150.544.259	29.487.559.595
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	32		2.163.805.024	652.624.928
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	40		31.986.739.235	28.834.934.667
	50		434.840.145.684	363.073.914.586
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	87.028.076.358	73.196.142.530
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		347.812.069.326	289.877.772.056



Phạm Thị Ngọc Anh
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Vũ Thanh Huyền
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bạch Diệp
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	434.840.145.684	363.073.914.586
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	781.002.276	1.084.692.542
Các khoản dự phòng	03	14.477.629.465	(24.800.910.396)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.380.950.000)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(20.280.589.720)	(34.483.129.285)
Chi phí lãi vay	06	95.670.507.863	78.950.962.895
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	523.107.745.568	383.825.530.342
(Tăng) các khoản phải thu	09	(57.949.775.114)	(432.257.071.842)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(784.164.279.688)	256.197.576.599
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(854.864.105.247)	126.773.531.113
(Tăng) chi phí trả trước	12	(14.324.516.597)	(9.281.859.969)
Tiền lãi vay đã trả	14	(90.618.315.335)	(78.609.814.429)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(92.733.427.092)	(67.788.646.021)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.345.581.050)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.379.892.254.555)	178.859.245.793
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(74.372.727)	(51.705.399.031)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(124.499.109.164)	(765.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.045.300.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(75.000.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.961.655.437	34.686.498.323
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(179.611.826.454)	263.281.099.292

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	180.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(130.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	8.665.290.182.642	6.598.115.709.109
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.888.639.840.795)	(7.859.736.971.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.776.650.341.847	(1.261.571.262.790)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	217.146.260.838	(819.430.917.705)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	638.076.095.694	1.457.507.013.399
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	855.222.356.532	638.076.095.694



Phạm Thị Ngọc Anh
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Vũ Thanh Huyền
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bạch Diệp
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311609355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2012 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.656 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- ▶ Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ▶ Sửa chữa máy móc thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ▶ Đại lý, môi giới, đấu giá;
- ▶ Quảng cáo;
- ▶ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- ▶ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ▶ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- ▶ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- ▶ Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- ▶ Dịch vụ thông tin khác: dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet, dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ đổi dữ liệu điện tử;
- ▶ Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- ▶ Buôn bán thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, sinh phẩm bảo quản điều kiện thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập công ty con là Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2018-NQHĐQT/GV/FRT.JSC ngày 13 tháng 9 năm 2018.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty có địa chỉ tại số 261 - 263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có chi nhánh tại 62 tỉnh, thành phố trên cả nước và 01 công ty con như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	Thành phố Hồ Chí Minh	75%	75%	Kinh doanh dược phẩm

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2018 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất do có giao dịch hợp nhất phát sinh trong năm, do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất không có số liệu so sánh. Số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm nay được hợp nhất từ số liệu của Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT ("Công ty mẹ") trong năm 2018 và số liệu của công ty con từ khi công ty con thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đơn vị: VND

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Năm Nay (số năm)

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn và không thực hiện trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính từ 3 - 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê nhà và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê nhà thể hiện số tiền thuê nhà đã được trả trước. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí sửa chữa, cải tạo các cửa hàng kinh doanh với khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.
- Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Trong năm 2018, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa cơ sở tính thuế thu nhập và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND
Tiền mặt	177.384.373.290
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	669.533.397.589
Tiền đang chuyển	8.304.585.653
Các khoản tương đương tiền	-
	855.222.356.532

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	4.126.610.101
Các khoản phải thu khách hàng khác	233.851.482.541
	237.978.092.642

Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31) 1.894.130.600

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND
Công ty TNHH MTV Tân MTV.....	122.983.365.255
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng đồng Việt	-
Các đối tượng khác	19.218.499.466
	142.201.864.721

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh các khoản tiền cho các nhân viên trong Công ty vay với thời hạn dưới 01 năm với lãi suất cho vay 4%/năm.

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp (i).....	374.777.968.319	342.433.949.042
- Dự thu lãi tiền gửi	8.307.162.809	7.988.228.526
- Phải thu người lao động.....	2.618.141.784	3.539.578.801
- Ký cược, ký quỹ (ii)	257.744.072.917	212.050.000.000
- Phải thu theo chương trình bán hàng (iii)	76.931.858.070	73.302.704.626
- Phải thu khác	1.590.022.035	20.866.459.386
	721.969.225.934	660.180.920.381

b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ.....	84.027.534.48	75.676.953.433
	805.991.760.417	735.857.873.814

Phải thu khác từ các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 31)	-	16.513.848.461
------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------	-----------------------

(i) Phản ánh khoản phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp để thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mại cho các đại lý mà nhà cung cấp cam kết tài trợ.

(ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 01 năm bằng VND được cầm cố, ký quỹ tại ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay thấu chi hoặc bảo lãnh thanh toán.

(iii) Phản ánh các khoản phải thu theo chương trình trợ giá điện thoại về gói cước áp dụng với các nhà mạng Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Vietnamobile và Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Mobifone.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm (VND)			Số đầu năm (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Đối tượng nợ
Công ty TNHH Digital Town City Center	4.191.029.259	-	Trên 3 năm	4.191.029.259	-	Trên 3 năm
Khác	22.239.881.604	15.567.917.123	Trên 6 tháng	21.259.627.078	14.650.238.023	Trên 6 tháng
Khác	13.797.689.776	6.898.844.888	Trên 1 năm đến 2 năm	-	-	
Khác	33.031.263	9.909.379	Trên 2 năm đến 3 năm	-	-	
	40.261.631.902	22.476.671.390		25.450.656.337	14.650.238.023	

(*) Giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm (VND)		Số cuối năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng (*)	Giá gốc	Dự phòng (*)
Hàng mua đang đi đường	4.536.530.042	-	883.908.213	-
Công cụ, dụng cụ	7.729.813.288	-	48.683.806.050	-
Hàng hoá	2.501.247.309.584	(13.364.886.890)	1.679.781.658.963	(5.871.799.623)
	2.513.513.652.914	(13.364.886.890)	1.729.349.373.226	(5.871.799.623)

(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê nhà	90.090.907.031	56.349.359.879
Chi phí bảo lãnh thanh toán	2.038.738.106	506.666.667
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.190.489.453	3.131.110.066
	94.320.134.590	59.987.136.612
b. Dài hạn		
Chi phí thiết lập ban đầu các cửa hàng	216.222.745.252	237.156.691.478
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.659.356.082	2.733.891.237
	219.882.101.334	239.890.582.715

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa và</u> <u>vật kiến trúc</u> VND	<u>Máy móc và</u> <u>thiết bị</u> VND	<u>Thiết bị</u> <u>văn phòng</u> VND	<u>Tổng</u> VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	4.619.723.333	4.340.015.945	363.173.201	9.322.912.479
Tăng trong năm	-	74.372.727	-	74.372.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.430.686)	-	(20.430.686)
Giảm khác	-	(32.395.379)	-	(32.395.379)
Số dư cuối năm	4.619.723.333	4.361.562.607	363.173.201	9.344.459.141
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	7.843.333	3.527.212.255	299.960.777	3.835.016.365
Khấu hao trong năm	82.254.270	259.372.931	34.169.743	375.796.944
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.430.686)	-	(20.430.686)
Số dư cuối năm	90.097.603	3.766.154.500	334.130.520	4.190.382.623
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	4.611.880.000	812.803.690	63.212.424	5.487.896.114
Tại ngày cuối năm	4.529.625.730	595.408.107	29.042.681	5.154.076.518

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.480.391.375 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.178.202.028 VND).

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	40.294.000.000	4.187.737.990	44.481.737.990
Số dư cuối năm	40.294.000.000	4.187.737.990	44.481.737.990
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	3.638.790.829	3.638.790.829
Khấu hao trong năm	-	405.205.332	405.205.332
Số dư cuối năm	-	4.043.996.161	4.043.996.161
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	40.294.000.000	548.947.161	40.842.947.161
Tại ngày cuối năm	40.294.000.000	143.741.829	40.437.741.829

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	75.000.000.000	-	-	-	
					Năm nay
Tình hình hoạt động của Công ty con trong năm					
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu					Hoạt động kinh doanh lỗ

Theo quy định tại Thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Công ty và công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 31.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	34.958.462.014	34.958.462.014	61.037.499.966	61.037.499.966
Công ty TNHH Apple Việt Nam	264.273.844.320	264.273.844.320	1.037.413.415.500	1.037.413.415.500
Công ty Cổ phần Synnex FPT	26.458.779.041	26.458.779.041	97.529.836.354	97.529.836.354
Công ty TNHH Sony Electronics Việt Nam	-	-	1.725.574.880	1.725.574.880
Các đối tượng khác	375.498.643.593	375.498.643.593	301.322.846.576	301.322.846.576
Cộng	701.189.728.968	701.189.728.968	1.499.029.173.276	1.499.029.173.276
Phải trả các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	4.639.029.453	4.639.029.453	1.656.608.920	1.656.608.920

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số</u> <u>phải nộp trong năm</u> VND	<u>Số đã</u> <u>thực nộp trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	27.500	-	-	27.500
	27.500	-	-	27.500
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.554.776.860.254	2.551.099.593.253	3.677.267.001
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(25.880.128.524)	87.028.076.358	92.733.427.092	20.174.777.790
Thuế thu nhập cá nhân	(555.166.735)	15.075.503.920	15.032.719.574	597.951.081
Thuế khác	-	2.111.438.471	2.111.438.471	-
	(26.435.295.259)	2.658.991.879.003	2.660.977.178.390	24.449.995.872

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền lương kinh doanh	106.200.876.927	141.558.750.435
Trích trước giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	10.927.076.223	42.535.528.190
Trích trước chi phí hỗ trợ trả góp	12.006.023.568	29.967.588.646
Chi phí lãi vay phải trả	8.946.634.405	3.894.441.877
Các khoản chi phí phải trả khác	18.735.624.042	15.521.332.841
	156.816.235.165	233.477.641.989

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế		
Kinh phí công đoàn	56.207.431	1.596.597.401
Phải trả tiền thu hộ đối tác	4.052.013.031	5.958.731.191
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	142.114.384.017	100.344.955.776
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng đồng Việt	597.189.068	548.597.608
- Đối tác khác	132.798.644.575	66.352.857.350
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.718.550.374	33.443.500.818
	547.880.137	7.866.946.143
Phải trả khác các bên liên quan <i>(chi tiết tại Thuyết minh số 31)</i>	146.770.484.616	115.767.230.511
	597.189.068	548.597.608

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Đầu năm		Trong năm			Số cuối năm
	giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND			VND		VND
Ngân hàng HSBC Hong Kong	-	-	974.492.650.000	66.775.400.000	907.717.250.000	907.717.250.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	1.850.357.999.962	1.318.353.859.355	532.004.140.607	532.004.140.607
Ngân hàng HSBC Việt Nam	455.700.000.000	455.700.000.000	1.853.112.500.000	1.812.812.500.000	496.000.000.000	496.000.000.000
Ngân hàng ANZ Việt Nam	70.500.000.000	70.500.000.000	1.952.727.870.000	1.609.227.870.000	414.000.000.000	414.000.000.000
Ngân hàng Citibank Việt Nam	258.729.292.760	258.729.292.760	628.200.000.000	601.029.292.760	285.900.000.000	285.900.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	297.917.662.680	62.055.068.680	235.862.594.000	235.862.594.000
Ngân hàng Standard Chartered Singapore	-	-	271.401.500.000	215.613.500.000	55.788.000.000	55.788.000.000
Công ty Cổ phần FPT	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	388.073.300.000	388.073.300.000	779.800.000.000	1.167.873.300.000	-	-
Ngân hàng Standard Chartered MU	-	-	37.280.000.000	37.280.000.000	-	-
	1.173.002.592.760	1.173.002.592.760	8.665.290.182.642	6.891.020.790.795	2.947.271.984.607	2.947.271.984.607

Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng được thực hiện dưới hình thức tín chấp trong thời hạn nhỏ hơn 01 năm và lãi suất được xác định theo từng kế ước nhận nợ. Các khoản vay bằng USD có lãi suất từ 3,4%/năm đến 3,8%/năm, các khoản vay bằng VND có lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,3%/năm.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU - Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu VND</u>	<u>Cổ phiếu quỹ VND</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</u>	<u>Tổng VND</u>
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	(50.000.000)	315.280.104.029	515.230.104.029
Lợi nhuận trong năm	-	-	289.877.772.056	289.877.772.056
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	200.000.000.000	-	(200.000.000.000)	-
Trích lập các quỹ	-	-	(8.703.503.389)	(8.703.503.389)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(130.000.000)	-	(130.000.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	180.000.000	-	180.000.000
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	-	396.454.372.696	796.454.372.696
Lợi nhuận trong năm	-	-	347.812.069.326	347.812.069.326
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)	280.000.000.000	-	(280.000.000.000)	-
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	(10.434.362.082)	(10.434.362.082)
Số dư cuối năm nay	680.000.000.000	-	453.832.079.940	1.133.832.079.940

(i) Nghị quyết số 2803/2018-NQ/ĐHCĐTN/FRT.JSC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tới cuối năm trước với tỷ lệ 70% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

(ii) Theo Quyết định số 935/QĐ-FRT-FHO của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với tỷ lệ là 3%, tương đương với số tiền 10.434.362.082 VND. Mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi cuối cùng sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0311609355 cấp lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 47 ngày 20 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 680.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần FPT	319.600.000.000	188.000.000.000
VOF Investment Limited	5.012.196.000	3.200.000.000
Hanoi Investments Holdings Limited	2.239.310.000	2.000.000.000
Các cổ đông khác	353.148.494.000	206.800.000.000
	680.000.000.000	400.000.000.000

Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	68.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	68.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u> Đô la Mỹ	<u>Số đầu năm</u> Đô la Mỹ
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	701.839	597.065

Chứng thư bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Ngân hàng HSBC Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam đã phát hành các chứng thư bảo lãnh thanh toán cho các đối tác của Công ty. Số dư bảo lãnh của các chứng thư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Ngân hàng	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	27.000.000.000
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	300.000.000.000
Ngân hàng HSBC Việt Nam	290.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	7.000.000.000

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Xét theo khía cạnh rủi ro và lợi ích kinh tế thu được, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh duy nhất là: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện có liên quan và một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

23. DOANH THU

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	15.747.503.070.212	13.528.714.302.871
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	142.165.867.131	266.321.293.139
	15.889.668.937.343	13.795.035.596.010
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	19.671.168.590	17.907.395.981
Các khoản giảm trừ doanh thu	591.311.306.900	648.520.639.787
- Hàng bán bị trả lại	591.311.306.900	648.520.639.787
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.298.357.630.443	13.146.514.956.223

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn của hàng hóa	13.237.125.546.635	11.195.010.924.240
Giá vốn của dịch vụ	10.129.573.190	166.654.034.073
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.493.087.267	(31.410.299.451)
	13.254.748.207.092	11.330.254.658.862

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí mua hàng	12.564.232.823.497	11.195.010.924.240
Chi phí nhân công	647.433.247.686	646.073.400.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	781.002.276	1.084.692.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.610.207.022.489	967.182.375.350
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	14.477.629.465	(24.800.910.396)
	14.837.131.725.413	12.784.550.482.592

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.280.589.720	35.206.125.138
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.808.570.000	723.856.810
Doanh thu hoạt động tài chính khác	19.111.159.651	18.367.263.450
	42.200.319.371	54.297.245.398

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	95.670.507.863	78.950.962.895
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.902.310.089	3.071.776.215
	100.572.817.952	82.022.739.110

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	166.372.687.692	179.470.101.950
Chi phí khác	120.396.590.560	120.780.940.453
	286.769.278.252	300.251.042.403
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	481.060.559.994	466.603.298.906
Chi phí thuê cửa hàng	324.064.823.624	269.955.243.113
Chi phí bán hàng khác	490.488.856.451	417.486.239.308
	1.295.614.240.069	1.154.044.781.327

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	87.028.076.358	69.688.805.177
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	3.507.337.353
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	87.028.076.358	73.196.142.530

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	434.840.145.684	363.073.914.586
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	300.236.108	(14.629.888.699)
<i>Trừ: Các khoản giảm chi phí không chịu thuế</i>	-	(14.629.888.699)
<i>Cộng: Các chi phí không chịu thuế</i>	300.236.108	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	435.140.381.792	348.444.025.887
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	435.140.381.792	348.444.025.887
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	87.028.076.358	69.688.805.177

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	341.267.137.030	284.610.478.319

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng làm việc và các cửa hàng kinh doanh của Công ty. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Từ 1 năm trở xuống	310.227.836.798	270.535.775.735
Trên 1 năm đến 5 năm	576.851.174.723	525.338.458.796
Trên 5 năm	5.318.000.000	5.882.111.961
	892.397.011.521	801.756.346.492

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần FPT	Cổ đông lớn (Công ty là công ty liên kết của Công ty Cổ phần FPT)
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Cùng chủ sở hữu (Công ty liên kết và công ty con của Công ty Cổ phần FPT)
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Cùng chủ sở hữu (Công ty liên kết và công ty con của Công ty Cổ phần FPT)
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	Cùng chủ sở hữu (Công ty liên kết và công ty con của Công ty Cổ phần FPT)
Bà Nguyễn Bạch Diệp	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	8.972.035.754	9.972.387.002
Công ty TNHH Phần mềm FPT	3.572.255.137	3.100.392.233
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	5.794.803.872	3.690.569.471
Công ty Cổ phần FPT	1.309.009.282	1.144.047.275
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	23.064.545	-
	19.671.168.590	17.907.395.981
Mua hàng		
Công ty Cổ phần FPT	6.625.519.356	6.313.257.340
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	25.555.420.433	24.954.771.688
Công ty TNHH Phần mềm FPT	240.625.000	562.500.000
	32.421.564.789	31.830.529.028
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	75.000.000.000	-
	75.000.000.000	-
Doanh thu lãi đầu tư		
Công ty Cổ phần FPT	147.701.046	23.886.490.606
	147.701.046	23.886.490.606
Cho vay		
Bà Nguyễn Bạch Diệp	-	50.460.665.760
Công ty Cổ phần FPT	-	765.000.000.000
	-	815.460.665.760
Thu hồi khoản cho vay		
Bà Nguyễn Bạch Diệp	70.859.066.193	-
Công ty Cổ phần FPT	-	2.060.000.000.000
	70.859.066.193	2.060.000.000.000
Đi vay		
Công ty Cổ phần FPT	20.000.000.000	-
	20.000.000.000	-

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Riêng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	742.250.000	584.005.977
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	150.254.000	360.111.972
Công ty TNHH Phần mềm FPT	82.440.000	231.149.999
Công ty Cổ phần FPT	577.490.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	341.696.600	-
	1.894.130.600	1.175.267.948
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần FPT	-	16.513.848.461
	-	16.513.848.461
Phải trả người bán		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	562.500.000	421.875.000
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	1.377.538.817	1.234.733.920
Công ty Cổ phần FPT	2.698.990.636	-
	4.639.029.453	1.656.608.920
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần FPT	-	548.597.608
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	597.189.068	-
	597.189.068	548.597.608
Các khoản cho vay		
Bà Nguyễn Bạch Diệp	-	70.859.066.193
	-	70.859.066.193

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.697.500.000	10.599.933.333
	2.697.500.000	10.599.933.333



Phạm Thị Ngọc Anh
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Vũ Thanh Huyền
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Bạch Diệp
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

*Thank
You*

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN LỄ KỸ THUẬT SỐ FPT

Địa chỉ: 261 - 263 Khánh Hội, Phường 05, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại: (+84-28) 7302 3456